

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của dự án đầu tư

**NHÀ MÁY SẢN XUẤT BAO BÌ NHỰA CÁC LOẠI
(NÂNG CÔNG SUẤT 2.160 TẤN SẢN PHẨM/NĂM
LÊN 2.500 TẤN SẢN PHẨM/NĂM)**

ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN: KHU PHỐ TRUNG LƯƠNG,
PHƯỜNG 10, THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phố Mỹ Tho, tháng 01 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của dự án đầu tư

**NHÀ MÁY SẢN XUẤT BAO BÌ NHỰA CÁC LOẠI
(NÂNG CÔNG SUẤT 2.160 TẤN SẢN PHẨM/NĂM
LÊN 2.500 TẤN SẢN PHẨM/NĂM)**

ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN: KHU PHỐ TRUNG LƯƠNG,
PHƯỜNG 10, THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Giám đốc



Hoàng Anh Lợi

Thành phố Mỹ Tho, tháng 01 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ
TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/CV-2024/CDV

Mỹ Tho, ngày 17 tháng 01 năm 2025

V/v đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án: “Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại (Nâng công suất 2.160 tấn sản phẩm/năm lên 2.500 tấn sản phẩm/năm)”

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho

1. Chúng tôi là: Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang, Chủ đầu tư dự án “Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại (Nâng công suất 2.160 tấn sản phẩm/năm lên 2.500 tấn sản phẩm/năm)” thuộc mục số 1 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, dự án “Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại (Nâng công suất 2.160 tấn sản phẩm/năm lên 2.500 tấn sản phẩm/năm)” thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho.

2. Địa chỉ trụ sở chính của dự án đầu tư: Khu phố Trung Lương, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

3. Địa điểm thực hiện dự án: Khu phố Trung Lương, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 10, tổng diện tích đất 12.461,2m²).

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200568151, đăng ký lần đầu ngày 01/4/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 31/5/2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

4. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh Tú – Chức vụ: Giám đốc. - Điện thoại: 02733 855 684.

5. Người liên hệ trong quá trình tiến hành thủ tục: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung. Điện thoại: 0386 361 772.

Chúng tôi xin gửi đến Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho hồ sơ gồm:

- 01 bản Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư.
- 01 Phương án sản xuất kinh doanh.

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho xem xét cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại (Nâng công suất 2.160 tấn sản phẩm/năm lên 2.500 tấn sản phẩm/năm)”.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Giám đốc *Mu*



Hoàng Anh Tú

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ	v
Chương I	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	6
1. Tên chủ dự án đầu tư:	6
2. Tên dự án đầu tư:	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:	7
3.1. Công suất của dự án đầu tư:	7
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:.....	7
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư.....	8
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:	8
4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu	8
4.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu	8
4.3. Nhu cầu sử dụng nước	9
4.4. Nhu cầu sử dụng hóa chất.....	9
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư: Không	10
Chương II	11
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	11
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:.....	11
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	11
2.1. Đối với nước thải	11
2.2. Đối với bụi, khí thải	11
2.3. Đối với chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại	11
2.4. Đối với tiếng ồn, độ rung.....	11
Chương III	12
HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	12

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật.....	12
2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án.....	12
2.1 Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải.....	12
2.2. Mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải.....	16
2.3. Đơn vị quản lý công trình thủy lợi	16
3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án:.....	16
Chương IV	18
ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ	18
MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	18
1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:	18
2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành	18
2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải	18
2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	22
2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn.....	28
2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.....	33
2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.....	33
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	35
4. Nhận xét về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả đánh giá, dự báo.....	37
Chương V.....	38
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	38
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	38
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	38
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	39
Chương VI.....	41
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	41

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư..	41
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	41
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	41
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	42
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	42
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	42
2.3. Chương trình quan trắc theo đề xuất của chủ dự án:.....	42
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm:	42
Chương VII	43
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	43
PHỤ LỤC BÁO CÁO	44

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD ₅	:	Nhu cầu oxy sinh học
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	:	Bảo vệ môi trường
CO ₂	:	Cacbon đioxit
CO	:	Cacbon oxit
COD	:	Nhu cầu oxy hoá học
NĐ-CP	:	Nghị định – Chính Phủ
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
TSS	:	Hàm lượng chất rắn lơ lửng
SO ₂	:	Lưu huỳnh đioxit
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TNMT	:	Tài nguyên Môi trường
UBND	:	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

Bảng 1. 1. Nhu cầu hóa chất sử dụng	9
Bảng 3. 1. Nhiệt độ không khí trung bình của các tháng trong năm tại Trạm quan trắc Mỹ Tho(⁰ C).....	12
Bảng 3. 2. Lượng mưa trung bình các tháng trong năm tại trạm quan trắc Mỹ Tho	13
Bảng 3. 3. Độ ẩm không khí trung bình các tháng trong năm tại Trạm quan trắc Mỹ Tho (%)	14
Bảng 3. 4. Số giờ nắng trung bình các tháng trong năm tại Trạm quan trắc Mỹ Tho (Giờ)	14
Bảng 3. 5. Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí	17
Bảng 3. 6. Kết quả phân tích chất lượng môi trường đất	17
Bảng 4. 1. Danh mục máy máy, thiết bị	21
Bảng 4. 2. Tải lượng, nồng độ VOC từ máy ép đùn nhựa	23
Bảng 4. 3. Tải lượng, nồng độ VOC từ máy ép đùn nhựa	25
Bảng 4. 4. Thông số kỹ thuật chính hệ thống xử lý khí thải	27
Bảng 4. 5. Khối lượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt	28
Bảng 4. 6. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt	28
Bảng 4. 7. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh	30
Bảng 4. 8. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát	30
Bảng 4. 9. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	35
Bảng 4.10. Kế hoạch tổ chức các biện pháp bảo vệ môi trường khác	36
Bảng 4. 11. Mức độ tin cậy của các phương pháp đã sử dụng.....	37
Hình 1. 1. Họa đồ vị trí dự án trong khu vực	6
Hình 1. 2. Quy trình công nghệ sản xuất của dự án	7

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư:

Công ty Cổ phần bao bì Tiền Giang

- Địa chỉ văn phòng: Khu phố Trung Lương, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Ông Hoàng Anh Tú
– Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 02733 855 684; Fax: 02733 858702; Email: tigipack.vn@gmail.com.

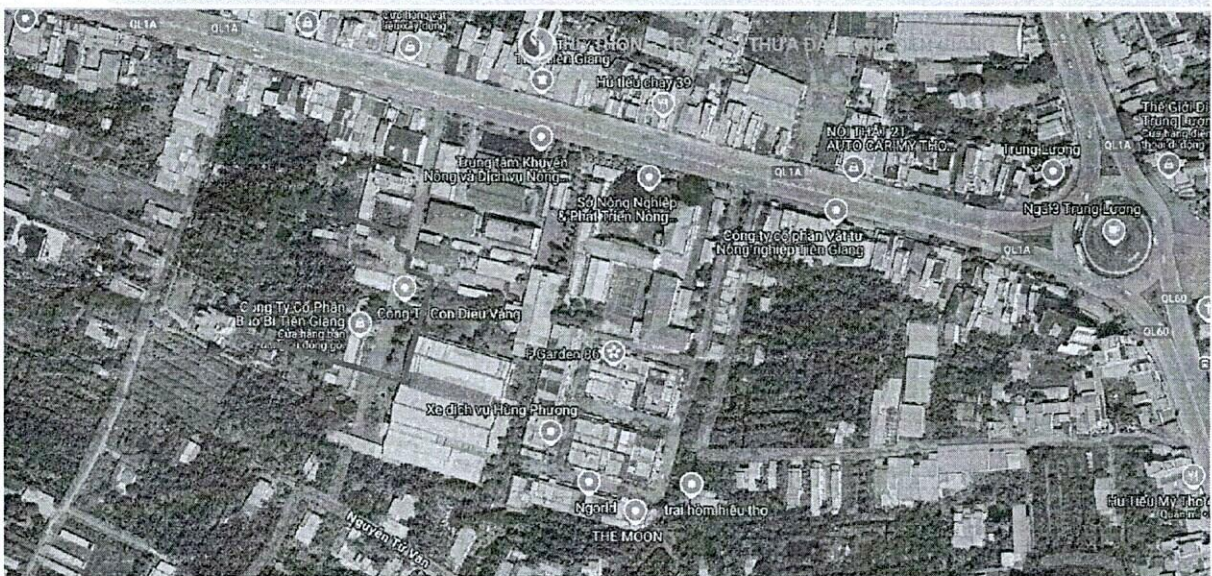
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200568151, đăng ký lần đầu ngày 01/4/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 31/5/2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

2. Tên dự án đầu tư:

Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại (Nâng công suất 2.160 tấn sản phẩm/năm lên 2.500 tấn sản phẩm/năm).

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Khu phố Trung Lương, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 10, tổng diện tích đất 12.461,2m²).

Họa đồ vị trí dự án trong khu vực:



Hình 1. 1. Họa đồ vị trí dự án trong khu vực.

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm C, tổng mức đầu tư 11.900.000.000 đồng.

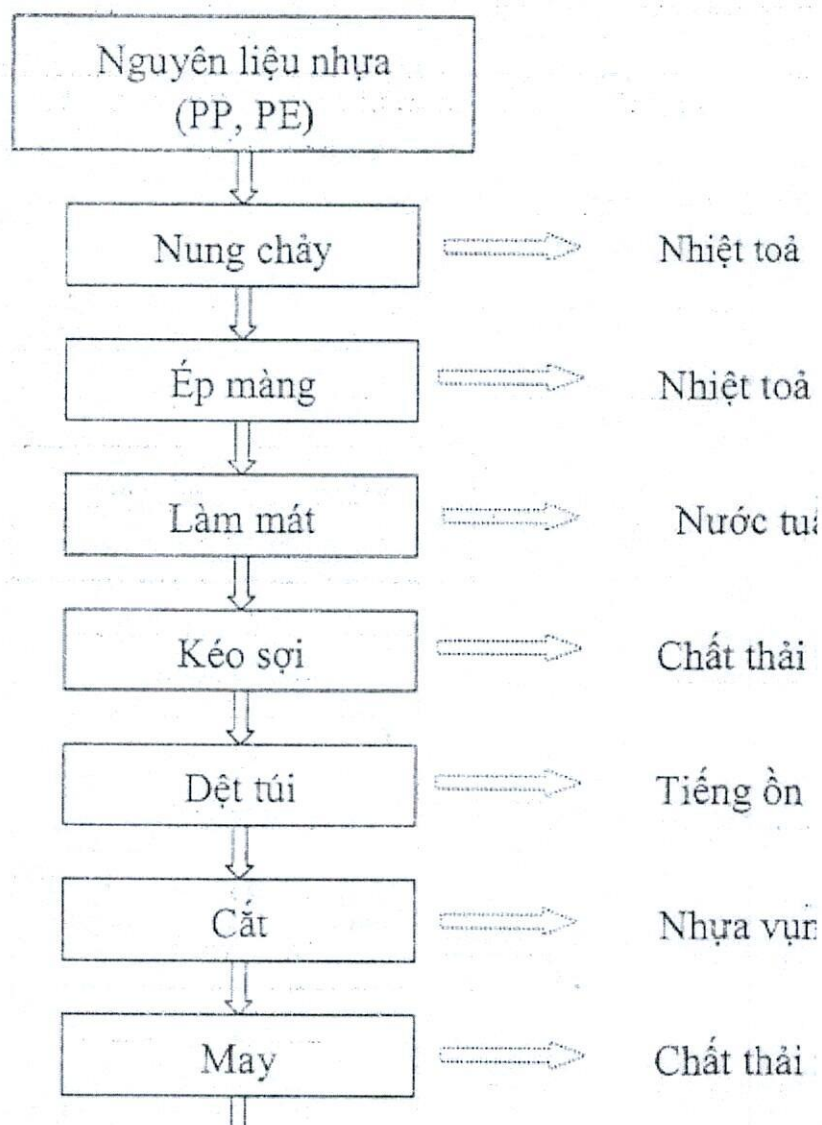
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:

3.1. Công suất của dự án đầu tư:

Nâng công suất 2.160 tấn sản phẩm/năm lên 2.500 tấn sản phẩm/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất của dự án như sau:



Hình 1. 2. Quy trình công nghệ sản xuất của dự án.

Thuyết minh quy trình

Nguyên liệu đầu vào là các hạt nhựa PP, PE sẽ được nhập về công ty và được đưa vào kho chứa nguyên liệu. Các nguyên liệu từ kho được cho vào máy nấu chảy (dạng dệt, không hóa lỏng).

Tiếp theo dòng nhựa sẽ qua khâu ép màng, sau đó qua thiết bị làm nguội. Khi ra khỏi hệ thống làm nguội, dòng nhựa được đưa vào công đoạn kéo sợi và được dệt thành túi. Sau khi dệt thành túi chuyển qua khâu cắt những phần thừa. Những bao nhựa đã được cắt gọt được chuyển sang công đoạn may (may đáy hoặc miệng tùy theo yêu cầu sản phẩm). Sản phẩm sau may được chuyển sang công đoạn in. Sau khi in sẽ đóng gói thành phẩm.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Sản phẩm đầu ra của dự án là các loại bao bì nhựa PP, PE.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:

4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu

Nguyên liệu chính phục vụ quá trình hoạt động của dự án là các loại hạt nhựa (hạt nhựa nguyên sinh, hạt nhựa phế liệu: PP, PE), với tổng nhu cầu sử dụng giai đoạn hiện tại khoảng 2.160 tấn/năm, dự kiến khi nâng công suất thì nhu cầu sử dụng khoảng 2.505 tấn/năm. Ngoài ra, dự án còn sử dụng thùng carton, dây đai, băng keo, chỉ may... phục vụ cho hoạt động may, đóng gói sản phẩm, với nhu cầu sử dụng hiện tại khoảng 10 tấn/năm, dự kiến khi nâng công suất khoảng 12 tấn/năm.

Nguồn cung cấp: được mua từ các cơ sở cung cấp trong khu vực và các khu vực lân cận. Công ty cam kết không sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

4.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

Nhiên liệu sử dụng cho hoạt động của Dự án là điện để vận hành các máy móc thiết bị trong quá trình sản xuất.

- Điện: Nguồn điện phục vụ cho hoạt động của dự án được lấy từ lưới điện quốc gia qua đường dây hạ thế của khu vực. Nhu cầu sử dụng điện của Dự án hiện tại khoảng 31.000kWh/ngày, dự kiến khi nâng công suất khoảng 35.000kWh/ngày. Ngoài ra, Công ty còn trang bị máy phát điện dự phòng 10kW trong trường hợp cúp điện.

- Dầu DO: Nhà máy còn sử dụng dầu DO để vận hành xe nâng, máy phát điện dự phòng, với nhu cầu sử dụng hiện tại khoảng 800 lít/tháng, nâng công suất khoảng 820 lít/tháng.

- Dầu máy may: Sử dụng để bôi trơn máy may với nhu cầu sử dụng khoảng 20 lít/tháng, dự kiến khi nâng công suất khoảng 25 lít/tháng.

- Dầu nhớt: Sử dụng để bảo trì máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất với nhu cầu sử dụng 3.800 lít/năm, dự kiến khi nâng công suất khoảng 4.000lít/năm.

Nguồn cung cấp: được mua từ các cơ sở cung cấp trong khu vực và các khu vực lân cận.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

- *Nước cấp cho sản xuất:* Nước cấp cho công đoạn làm mát với nhu cầu sử dụng như sau: Với kích thước bồn chứa nước là 200 lít và dự án có 02 chuyền đùn nhựa tương đương có 02 bồn chứa nước. Như vậy tổng thể tích nước cần cấp cho 02 bồn nước là: $200 \times 2 = 400$ lít. Lượng nước tại các máng nước này được tuần hoàn tái sử dụng. Dự án đã xây dựng 01 bể chứa thể tích khoảng 13m^3 để cấp nước cho hoạt động này.

Giai đoạn nâng công suất không tăng công đoạn làm mát này nên nhu cầu sử dụng nước dự kiến không thay đổi so với giai đoạn hiện hữu.

- *Nước cấp cho sinh hoạt:*

+ *Sinh hoạt nhà vệ sinh:* Theo tiêu chuẩn nước cho nhu cầu sinh hoạt trong dự án sản xuất công nghiệp từ 25 - 45 lít/người/ngày (TCVN 13606:2023- Cấp nước mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế). Tổng số lượng công nhân viên của dự án hiện hữu là 185 người, sau khi nâng công suất là 200 người.

Lượng nước cấp cho các nhà vệ sinh được ước tính như sau:

Hiện hữu: $Q_1 = 185 \times 45 \text{ lít/người/ngày} \approx 8,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Nâng công suất: $Q_2 = 200 \times 45 \text{ lít/người/ngày} \approx 9 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ *Nước cấp cho nhà ăn:* Theo TCVN 4513/1988 - Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế - Phòng cháy chữa cháy thì tiêu chuẩn cấp nước 25 lít/suất ăn.

Lượng nước cấp cho các nhà ăn được ước tính như sau:

Hiện hữu: $Q_1 = 185 \times 25 \text{ lít/người/ngày} \approx 4,7 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Nâng công suất: $Q_2 = 200 \times 25 \text{ lít/người/ngày} \approx 5 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Tổng lượng nước cần cung cấp cho hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án hiện hữu khoảng $13\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, dự kiến khi nâng công suất là $14 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Nguồn nước sử dụng cho dự án là nước cấp của khu vực do Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang cung cấp và nước giếng khoan tại dự án.

4.4. Nhu cầu sử dụng hóa chất

Nhu cầu sử dụng hóa chất của cơ sở như sau:

Bảng 1. 1. Nhu cầu hóa chất sử dụng

Stt	Tên hoá chất	Số lượng sử dụng (kg/năm)	
		Hiện tại	Nâng công suất
1	Mực in	3.400	3.935
2	Dung môi	8.300	9.606
3	Xăng	1.300	1.505

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại (Nâng công suất 2.160 tấn sản phẩm/năm lên 2.500 tấn sản phẩm/năm)

Thành phần, tính chất hoá, lý của các hoá chất được nhà sản xuất thể hiện trong phiếu MSDS của sản phẩm (Đính kèm tại phần phụ lục báo cáo).

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư: Không

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Vị trí dự án phù hợp với phân vùng môi trường, quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31/12/2023.

Vị trí thực hiện dự án phù hợp với kế hoạch sử dụng đất của thành phố Mỹ Tho được UBND tỉnh Tiền Giang phê duyệt tại Quyết định số 3317/QĐ-UBND ngày 28/12/2023.

Ngoài ra, Nhà máy đã được UBND tỉnh Tiền Giang phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại Quyết định số 2474/QĐ-UBND ngày 21/9/2015 (với công suất 2.160 tấn sản phẩm/năm).

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.1. Đối với nước thải

Hoạt động của dự án làm phát sinh nước thải với lưu lượng 14m³/ngày.đêm. Dự án đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải công suất 15m³/ngày.đêm, nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K =1,2 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi được xả vào hệ thống cống thoát nước chung của khu vực.

2.2. Đối với bụi, khí thải

Các nguồn bụi, khí thải công nghiệp phát sinh từ dự án đều được xử lý tại nguồn đạt QCVN 19: 2009/BTNMT, cột B trước khi thải ra môi trường nên tác động không đáng kể đến môi trường không khí của khu vực.

2.3. Đối với chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

Khi đi vào hoạt động chủ đầu tư sẽ thực hiện thu gom và xử lý chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

2.4. Đối với tiếng ồn, độ rung

Thực hiện các giải pháp quản lý nhằm đảm bảo tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của dự án đạt QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27/2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Chương III

HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

- Các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án bao gồm: môi trường không khí, môi trường nước và môi trường đất
- Các đối tượng nhạy cảm về môi trường gần nhất có thể bị tác động của dự án: Hộ dân tiếp giáp dự án.

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

2.1 Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải

a) Vị trí địa lý, địa hình

Dự án được thực hiện tại Khu phố Trung Lương, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đặc điểm địa hình: Khu vực có địa hình bằng phẳng, trong những năm gần đây không bị ngập lụt

a) Đặc điểm khí hậu

Dự án nằm ở tỉnh Tiền Giang nên khí hậu mang tính chất nội chí tuyến – cận xích đạo và khí hậu nhiệt đới gió mùa nên nhiệt độ bình quân năm cao. Thời tiết chia làm 2 mùa rõ rệt, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 04, mùa mưa từ tháng 05 đến tháng 11.

± Nhiệt độ

Trong năm 2023, tháng có nhiệt độ thấp nhất là tháng 1 (Trung bình 26,4⁰C), tháng có nhiệt độ cao nhất là tháng 4 (Trung bình 29,6⁰C).

Bảng 3. 1. Nhiệt độ không khí trung bình của các tháng trong năm tại Trạm quan trắc Mỹ Tho(⁰C)

Tháng	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Bình quân năm	27,9	27,6	27,5	27,9
Tháng 1	26,4	26,0	26,3	26,4
Tháng 2	26,8	25,7	27,4	26,8
Tháng 3	28,4	29,0	28,3	26,9
Tháng 4	29,5	28,8	28,6	29,6
Tháng 5	30,2	29,0	28,3	29,1
Tháng 6	28,3	28,6	28,5	28,5
Tháng 7	28,2	27,9	27,5	27,8

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại (Nâng công suất 2.160 tấn sản phẩm/năm lên 2.500 tấn sản phẩm/năm)

Tháng	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tháng 8	28,2	28,2	27,5	28,8
Tháng 9	27,6	27,2	27,2	27,7
Tháng 10	27,0	27,4	26,9	27,9
Tháng 11	27,5	27,5	27,1	27,8
Tháng 12	26,6	26,4	26,4	27,7

(Nguồn: Cục Thống kê Tiền Giang, tháng 7/2024)

⚡ Chế độ mưa

Trong năm 2023, tháng 4 có lượng mưa rất thấp 1,7mm, tháng 3 không có mưa, tháng có lượng mưa cao nhất là tháng 9 (367,6mm).

Bảng 3. 2. Lượng mưa trung bình các tháng trong năm tại trạm quan trắc Mỹ Tho

Tháng	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng lượng mưa	1.621,1	1.753,1	1.783,7	1.373,7
Tháng 1	18,5	3,7	5,3	64
Tháng 2	-	4,9	27,6	25
Tháng 3	-	-	51,6	-
Tháng 4	6,7	107,4	163,4	1,7
Tháng 5	110,1	173,8	170	139
Tháng 6	263,9	115,3	302,1	119,2
Tháng 7	313,9	271,9	131,8	204,9
Tháng 8	180,8	124,0	195,1	91,3
Tháng 9	259,6	478,4	270	367,6
Tháng 10	347,8	253,2	265,8	292,3
Tháng 11	99,1	212,5	172,2	45,4
Tháng 12	20,7	8,0	28,8	23,3

(Nguồn: Cục Thống kê Tiền Giang, tháng 7/2024)

⚡ Độ ẩm tương đối trung bình

Trong năm 2023, tháng có độ ẩm thấp nhất là tháng 1 (Trung bình 78%), tháng có độ ẩm cao nhất là tháng 10 (Trung bình 89%).

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại (Nâng công suất 2.160 tấn sản phẩm/năm lên 2.500 tấn sản phẩm/năm)

Bảng 3. 3. Độ ẩm không khí trung bình các tháng trong năm tại Trạm quan trắc Mỹ Tho (%)

Tháng	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Bình quân năm	80	80,2	82,1	82,6
Tháng 1	76	77	78	78
Tháng 2	74	78	76	80
Tháng 3	76	76	77	79
Tháng 4	77	78	80	80
Tháng 5	79	81	85	85
Tháng 6	82	80	82	85
Tháng 7	83	82	85	84
Tháng 8	83	80	84	83
Tháng 9	84	85	86	85
Tháng 10	88	85	86	89
Tháng 11	80	83	86	84
Tháng 12	78	77	80	79

(Nguồn: Cục Thống kê Tiền Giang, tháng 7/2024)

⚡ Bức xạ mặt trời:

Trong năm 2023, tháng có số giờ nắng thấp nhất là tháng 10 (Trung bình 131,2 giờ), tháng có số giờ nắng cao nhất là tháng 1 (Trung bình 243,9 giờ).

Bảng 3. 4. Số giờ nắng trung bình các tháng trong năm tại Trạm quan trắc Mỹ Tho (Giờ)

Tháng	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số	2.509,9	2.411,5	2.327,6	2.385,5
Tháng 1	272,2	199,5	243,9	165,3
Tháng 2	259,5	213,4	239,4	210,1
Tháng 3	285,2	289,5	236,6	273,8
Tháng 4	262,6	235,4	222	241,5
Tháng 5	249,2	216,5	161	201,5
Tháng 6	177,3	202,3	230,2	180,6
Tháng 7	196,7	170,3	151,6	150,6

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại (Nâng công suất 2.160 tấn sản phẩm/năm lên 2.500 tấn sản phẩm/năm)

Tháng	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tháng 8	195,5	216,9	183,5	238,8
Tháng 9	179,9	157,3	168,4	144,9
Tháng 10	103,8	151,3	131,2	178,3
Tháng 11	176,2	155,5	160,3	192,6
Tháng 12	151,8	203,6	199,5	207,5

(Nguồn: Cục Thống kê Tiền Giang, tháng 7/2024)

✦ Tốc độ gió trung bình

Gió ở Tiền Giang thuộc về chế độ gió mùa. Một năm có hai mùa gió: mùa gió mùa Đông Bắc và mùa gió mùa Tây Nam. Gió mùa Đông Bắc, hằng năm vào giữa tháng 10 hoặc muộn hơn một chút, vào hạ tuần tháng 10, các khối không khí lạnh được hình thành từ Bắc Băng Dương, Xibéri di chuyển về phía Nam gây ra những đợt gió mùa Đông Bắc, ảnh hưởng tới tận những miền vĩ độ thấp trong đó có tỉnh Tiền Giang. Gió thường thổi theo hướng: Đông Bắc, Đông và Đông Nam. Trong đó chủ yếu là hướng đông và đông nam và được nhân dân địa phương gọi là gió “chương”. Thời gian hoạt động của gió chương trong năm bắt đầu từ cuối tháng 10 và kết thúc vào cuối tháng 4 tới trung tuần tháng 5 năm sau. Khả năng xuất hiện gió chương tăng dần từ đầu mùa (tháng 12) và đạt cực đại vào tháng 2 hoặc 3, sau đó giảm dần.

Tại Tiền Giang, tốc độ gió chương trung bình 3,8m/s và gió chương mạnh có tốc độ lớn hơn hoặc bằng 9m/s. Số ngày có gió chương mạnh trong năm không nhiều, có khoảng 25-40 ngày và thường xảy ra vào tháng 2 hoặc tháng 3. Hướng của gió chương mạnh thường là đông hoặc Đông Nam. Đặc điểm của gió chương là phát triển theo từng đợt. Mỗi đợt từ khi phát triển cho đến lúc yếu khoảng từ 4 đến 6 ngày. Trong một ngày, gió chương cũng không duy trì tốc độ mạnh liên tục, chỉ xảy ra trong vài ba giờ là cùng và thường xuất hiện vào lúc xế chiều, khi mà sự chênh lệch nhiệt độ giữa đất liền và biển đạt lớn nhất trong ngày.

Gió mùa Tây Nam thổi từ Ấn Độ Dương mang theo hơi ẩm và ấm. Hướng gió thịnh hành: Nam, Tây Nam và Tây. Trong đó chủ yếu là hướng Tây Nam. Thời gian hoạt động bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào tháng 9 và mạnh nhất từ tháng 6 đến tháng 8. Tại Tiền Giang, tốc độ gió trung bình đạt khoảng từ 3 đến 5m/s. Tốc độ có thể đạt tới cấp 9 hoặc hơn, thường xảy ra khi có giông, tố, lốc với diện tương đối hẹp.

Bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ). Tiền Giang rất ít khi có bão đổ bộ trực tiếp vào mà chủ yếu chịu ảnh hưởng khi có bão hoặc ATNĐ hoạt động ở Nam biển Đông hoặc đổ bộ vào khu vực miền Trung. Khi có tình thế thời tiết trên, ở Tiền Giang gió không mạnh và có nhiều mưa. Ở Nam biển Đông, bão và ATNĐ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại (Nâng công suất 2.160 tấn sản phẩm/năm lên 2.500 tấn sản phẩm/năm)

đều có khả năng xuất hiện vào các tháng trong năm. Trong đó, bão và ATNĐ tập trung nhiều vào các tháng 9, 10, 11 và 12; các tháng 1, 2, 3, 4 và 5 khả năng xuất hiện nhỏ (nhỏ hơn 5%). Trong năm các tháng 5, 10, 11 không có các hướng gió chủ đạo. Đây là thời kỳ chuyển tiếp giữa các mùa gió.

c) Hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải

Các sông, kênh, rạch chảy qua địa bàn phường 10 gồm: rạch Bến Chùa, rạch Cái Ngang, rạch Đạo Ngạn, sông Bảo Định (*Nguồn: Thông tư 18/2017/TT-BTNMT ngày 26/7/2017 Thông tư Ban hành danh mục địa danh dân cư, sông vắn, thủy vắn, kinh tế - xã hộ phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Tiền Giang*).

d) Chế độ thủy văn của nguồn nước khu vực

Chế độ thủy văn của các kênh rạch trên địa bàn phường 10 phụ thuộc vào chế độ thủy văn sông Tiền, chịu ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều biển đông. Trong 1 ngày có 2 lần nước lớn (triều cao) với một đỉnh thấp và một đỉnh cao hơn và 2 lần nước ròng với một chân thấp và một chân cao hơn. Hàng tháng có 2 lần nước ròng (kỳ triều cường) và 2 lần nước kém (kỳ triều kém). Tại Mỹ Tho, biên độ cực đại vào kỳ triều cường xấp xỉ 3,50 m và vào kỳ triều kém là 1,50 m; cànng chảy sâu vào các nhánh kinh, rạch biên độ triều càng giảm.

2.2. Mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải

Nước thải sau xử lý của dự án không xả trực tiếp vào nguồn nước mặt của khu vực mà xả vào hệ thống cống thoát nước chung của khu vực.

2.3. Đơn vị quản lý công trình thủy lợi

Nước thải sau xử lý của dự án không xả trực tiếp vào công trình thủy lợi mà xả vào hệ thống cống thoát nước chung của khu vực.

3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án:

Để đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường trong khu vực thực hiện Dự án, Chủ dự án kết hợp với đơn vị có chức năng tiến hành khảo sát, lấy mẫu hiện trạng chất lượng môi trường không khí, đất tại khu vực Dự án.

Kết quả phân tích hiện trạng chất lượng môi trường không khí, đất, khu vực thực hiện Dự án được xem là môi trường nền đặc trưng và sẽ là cơ sở để so sánh, đánh giá những thay đổi về chất lượng môi trường do hoạt động của Dự án gây ra.

Đối với hiện trạng chất lượng đất, không khí: Tiến hành lấy mẫu, phân tích chất lượng đất, không khí tại khu vực dự án vào các ngày 31/10, 01, 02/11 năm 2024; Ngày có kết quả lần lượt 11/11, 12/11, 13/11 năm 2024

Kết quả phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường khu vực dự án cụ thể như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại (Nâng công suất 2.160 tấn sản phẩm/năm lên 2.500 tấn sản phẩm/năm)

- Kết quả khảo sát và đo đạc chất lượng môi trường không khí tại khu vực dự án kèm theo phiếu kết quả thử nghiệm như sau:

Bảng 3. 5. Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích			QCVN 05: 2023/BTNMT
			31/10	01/11	02/11	
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	134	131	137	300
2	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	62	62	59	200
3	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	50	61	58	350
4	CO	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	< 9.000	< 9.000	< 9.000	30.000

Nhận xét: Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí khu vực thực hiện Dự án cho thấy các chỉ tiêu đo đạc đều thấp hơn quy chuẩn quy định QCVN 05:2023/BTNMT. Chứng tỏ không khí khu vực Dự án chưa bị ô nhiễm.

- Kết quả phân tích chất lượng đất tại khu vực thực hiện Dự án được trình bày ở bảng sau:

Bảng 3. 6. Kết quả phân tích chất lượng môi trường đất

TT	Thông số	Kết quả			QCVN 03:2023/BTNMT (mg/kg)
		31/10	01/11	02/11	
1	Cu	23,2	24	26,1	2.000
2	Zn	45,9	49,8	43,5	2.000
3	Cr	6,4	6,4	7,6	250
4	Cd	<0,9	KPH (MDL=0,27)	<0,9	60
5	Pb	12,7	21,1	22,9	700

Ghi chú: QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất. Kết quả so sánh áp dụng cho đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (loại 3).

Nhận xét: Hiện trạng chất lượng đất tại Dự án đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03:2023/BTNMT-Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

Nhận xét chung: chất lượng môi trường nền tại khu vực Dự án tương đối tốt, có khả năng tiếp nhận dự án.

Chương IV

ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:

Các hạng mục công trình của dự án đều đã được hoàn thiện, ở giai đoạn nâng công suất chỉ lắp đặt thêm 01 máy dệt, 01 máy cắt, 10 máy may và 01 máy đóng kiện, dự án không có giai đoạn xây dựng.

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

2.1.1. Các nguồn phát sinh

a) Nước mưa chảy tràn

Vào mùa mưa, nước mưa chảy tràn trên khuôn viên dự án sẽ cuốn theo các chất cặn bã, các chất hữu cơ và đất cát xuống đường thoát nước. Theo phương pháp đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế thế giới (Assessment of Sources of Air, Water and land Pollution, Part 1, WHO, 1993) thì nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn ước tính khoảng:

- Tổng Nitơ : 0,5 – 1,5 mg/l
- Phốt pho: 0,004 – 0,03 mg/l.
- Nhu cầu oxy hóa học (COD) 10 – 20mg/l
- Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) 10 – 20mg/l.

Tuy nhiên so với nước thải, nước mưa khá sạch, vì vậy có thể tách riêng biệt đường nước mưa ra khỏi nước thải mà không cần xử lý.

b) Nước thải sinh hoạt

Nước thải từ nhà máy chủ yếu là nước thải sinh hoạt của 200 công nhân làm việc tại dự án phát sinh khoảng 14m³/ngày.đêm (100% lượng nước cấp).

Tính chất nước thải này có thành phần ô nhiễm: bao gồm các chất vô cơ, hữu cơ và vi sinh vật. Lượng chất hữu cơ chiếm 50-60% tổng các chất bao gồm các chất hữu cơ thực vật như: cặn bã thực vật, rau, hoa, quả, giấy,...và các chất hữu cơ động vật như chất thải bài tiết của người và động vật, xác động vật,...xét theo đặc tính hóa học thì chất hữu cơ trong nước thải bao gồm protein chiếm 40-60%, hydrat cacbon chiếm 25 – 50%, chất béo dầu mỡ khoảng 10%. Nồng độ các chất hữu cơ thường được xác định bằng các chỉ tiêu BOD hoặc COD. Lượng chất vô cơ trong nước thải chiếm khoảng 40-42% gồm cát, đất sét, acid, bazo vô cơ,...vi sinh vật trong nước thải có nhiều loại như vi khuẩn, vi rút, nấm, rong,

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại (Nâng công suất 2.160 tấn sản phẩm/năm lên 2.500 tấn sản phẩm/năm)

tảo, trứng giun sán,... một số loại vi sinh vật này có khả năng gây bệnh và có thể tạo thành dịch bệnh.

c) Nước thải công nghiệp

Hoạt động của dự án không làm phát sinh nước thải công nghiệp.

2.1.2. Công trình, biện pháp xử lý nước thải

a) Nước mưa chảy tràn

** Nhà máy hiện hữu:*

Đã xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

Nước mưa theo hệ thống thu gom thoát ra hệ thống cống thoát nước chung của khu vực theo 02 cửa xả tự chảy.

- Hệ thống thu gom nước mưa xung quanh xưởng sản xuất được xây dựng bằng công hộp, tổng chiều dài khoảng 210m.

- Hệ thống thoát nước mưa tại khu văn phòng làm việc, nhà ăn gồm: 08 hố ga (06 hố ga kích thước 1x1x1m, 01 hố ga 0,6x0,6x1m và 01 hố ga 1x1x0,8m); đường ống thoát nước PVC Ø168mm, tổng chiều dài khoảng 61m, công hộp dài khoảng 47,5m và đoạn ống PVC Ø220mm.

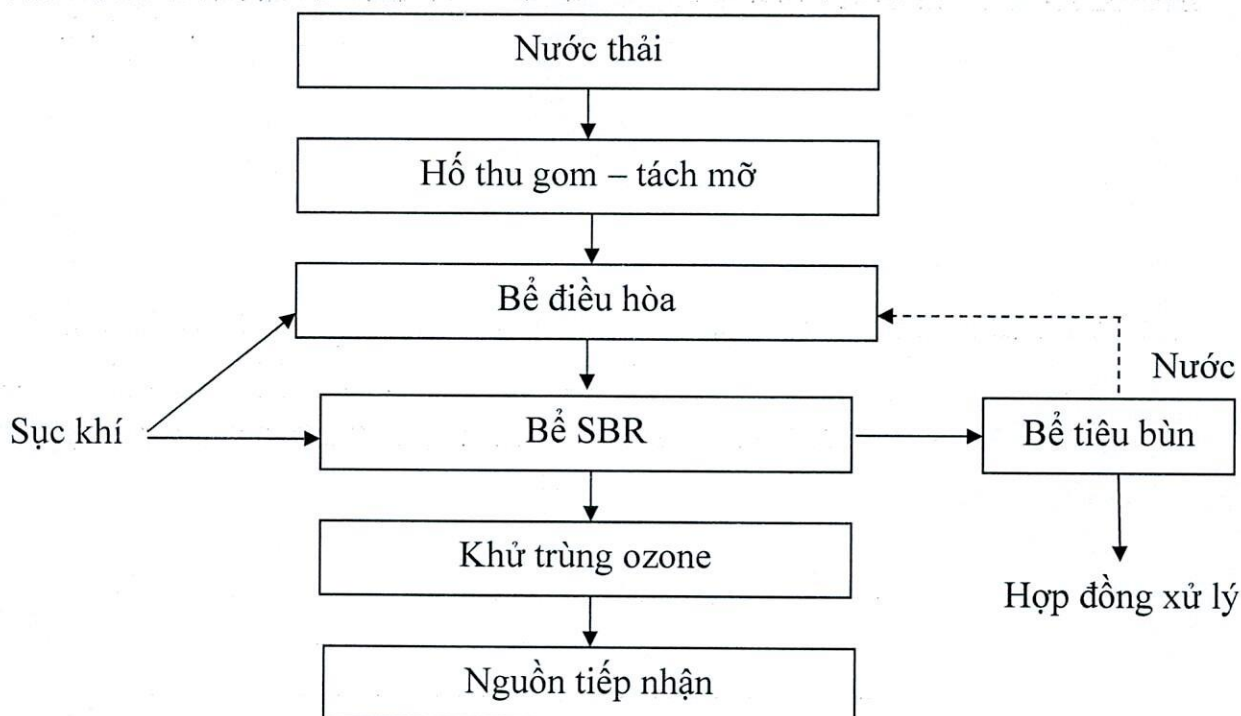
** Dự án nâng công suất*

Giai đoạn nâng công suất không xây dựng thêm hạng mục công trình nên hệ thống thoát nước mưa không có thay đổi so với nhà máy hiện hữu.

b) Nước thải sinh hoạt

** Nhà máy hiện hữu:*

Hiện tại, tại nhà máy hiện hữu đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15m³/ngày.đêm, với quy trình công nghệ xử lý như sau:



Hình 4. 1. Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải.

*** Thuyết minh quy trình:**

Công suất hệ thống: 15m³/ngày.đêm

Quy trình vận hành: Nước thải từ các nguồn được tập trung về hồ thu gom-tách mỡ, tại bể dầu mỡ nổi phía trên được vớt thủ công và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định. Sau đó nước thải được bơm sang bể điều hòa để điều hòa lưu lượng, từ bể này nước thải được bơm lên bể SBR (là bể xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học theo quy trình phản ứng từng mẻ liên tục) để xử lý.

Chu kỳ hoạt động của bể SBR với 5 pha được tiến hành như sau:

1. Pha làm đầy: Nước thải được bơm vào bể xử lý trong khoảng từ 0,5giờ. Trong bể phản ứng hoạt động theo mẻ nối tiếp nhau, tùy thuộc theo mục tiêu xử lý, hàm lượng BOD đầu vào mà quá trình làm đầy có thể thay đổi linh hoạt: Làm đầy – tĩnh, làm đầy- hòa trộn, làm đầy- sục khí.

2. Pha sục khí: Tiến hành sục khí cho bể xử lý để tạo phản ứng sinh hóa giữa nước thải và bùn hoạt tính hay làm thoáng bề mặt để cấp oxy vào nước và khuấy trộn đều hỗn hợp. Thời gian làm thoáng phụ thuộc vào chất lượng nước thải, thường khoảng 8giờ (6 giờ đầu sục khí với nồng độ DO dao động từ 2 – 4mg/l (tối ưu cho quá trình xử lý sinh học hiếu khí, 02 giờ sau sục khí với nồng độ DO dao động từ 0 – 1mg/l (tối ưu cho quá trình xử lý sinh học thiếu khí để khử nitơ trong nước thải). Trong pha phản ứng, quá trình nitrat hóa có thể thực hiện, chuyển Nitơ từ dạng N-NH₃ sang N-NO₂²⁻ và nhanh chóng chuyển sang dạng N – NO₃⁻

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại (Nâng công suất 2.160 tấn sản phẩm/năm lên 2.500 tấn sản phẩm/năm)

3. Pha lắng: Lắng trong nước. Quá trình diễn ra trong môi trường tĩnh, hiệu quả thủy lực của bể đạt 100%. Thời gian lắng trong và cô đặc bùn thường khoảng 2 giờ.

4. Pha rút nước: Khoảng 0,5 giờ.

5. Pha chờ: Chờ đợi để nạp mẻ mới, thời gian chờ đợi phụ thuộc vào thời gian vận hành.

Nước thải sau khi qua bể SBR chảy vào bể khử trùng bằng ozone trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 14: 2008/BTNMT, cột A, K = 1,2.

Kích thước các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải như sau:

- Hồ thu gom – bể tách mỡ: $V=1,56m^3$, đáy đổ bê tông, tường gạch.

- Bể điều hòa: $V=5,4m^3$, đáy đổ bê tông, tường gạch.

- Bể SBR: $V=15m^3$, đáy đổ bê tông, tường gạch.

- Bể khử trùng: $V=0,432m^3$, đáy đổ bê tông, tường gạch.

- Bể chứa bùn: $V=2,6m^3$, đáy đổ bê tông, tường gạch.

Danh mục máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải được thống kê như sau:

Bảng 4. 1. Danh mục máy móc, thiết bị

Stt	Thiết bị	Số lượng	Đơn vị
1	Hồ thu-Bể tách mỡ		
1.1	Bơm nước thải (Q:3-10m ³ /giờ, H: 3-10m; Công suất 1Hp, 220V/380V, Nhật bản	02	Bộ
1.2	Phao đo mực nước	01	Bộ
2	Bể điều hòa		
2.1	Song chắn rác inox, kích thước khe 10mm	01	Bộ
2.2	Hệ thống phân phối khí	01	Hệ thống
2.3	Phao đo mực nước	01	Bộ
2.4	Bơm nước thải (Q:3-10m ³ /giờ, H: 3-10m; Công suất 1Hp, 220V/380V, Nhật bản	01	Bộ
3	Bể SBR		
3.1	Máy thổi khí 1,5kW, 220V/50Hz, Đài loan	01	Bộ
3.2	Hệ thống phân phối khí	01	Bộ
3.3	Motor giảm tốc: 380V/50Hz, tốc độ 0,1-1 vòng/phút, Đài Loan	01	Bộ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại (Nâng công suất 2.160 tấn sản phẩm/năm lên 2.500 tấn sản phẩm/năm)

Stt	Thiết bị	Số lượng	Đơn vị
3.4	Hệ thống giá đỡ motor giảm tốc	01	Bộ
3.5	Hệ thống cánh khuấy	01	Bộ
3.6	Bơm nước thải (Q:3-10m ³ /giờ, H: 3-10m; Công suất 1Hp, 220V/380V, Nhật bản)	01	Bộ
3.7	Bơm bùn (Q:3-10m ³ /giờ, H: 3-10m; Công suất 1Hp, 220V/380V, Nhật bản)	01	Bộ
4	Bể khử trùng		
4.1	Máy Ozone công suất 1.000mgO ³ /h, 130W/h, 220V/50Hz	01	Bộ

Hóa chất sử dụng cho hệ thống: Ozôn.

Định mức tiêu thụ điện năng: 25kWh.

* Dự án nâng công suất

Với tổng lượng nước thải phát sinh ở giai đoạn nâng công suất khoảng 47,4m³/ngày.đêm (ước tính bằng 100% lượng nước sử dụng đã tính toán ở phần trên) thì với công suất hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng ở nhà máy hiện hữu là 15m³/ngày.đêm vẫn đáp ứng xử lý cho giai đoạn nâng công suất nên dự án không đầu tư thêm hệ thống xử lý nước thải.

c) Nước thải công nghiệp

Không phát sinh

2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.2.1. Các nguồn phát sinh bụi, khí thải

a) Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển:

Hoạt động của các phương tiện giao thông sẽ làm phát sinh khí ô nhiễm có chứa sản phẩm từ quá trình đốt nhiên liệu của các động cơ như NO_x, SO₂, CO, CO₂, VOC... Các thành phần này tùy theo đặc tính của mỗi loại mà tác động lên môi trường và sức khỏe con người theo mỗi cách khác nhau.

Không gian phát sinh khí thải: Tuyến đường giao thông nội bộ trong khu vực dự án

Thời gian khí thải: Suốt quá trình hoạt động của dự án;

b) Bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất

➤ Hơi nhựa từ máy ép đùn nhựa

- Nguồn phát sinh: từ 02 máy đùn nhựa của quy trình sản xuất. Quá trình đùn nhựa (nung chảy nhựa) ở nhiệt độ cao sẽ phát sinh VOCs.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại (Nâng công suất 2.160 tấn sản phẩm/năm lên 2.500 tấn sản phẩm/năm)

Theo “Airborne Emissions of Carcinogens and Respiratory Sensitizers during Thermal Processing of Plastics”, John Unwin et al.- 2012” thành phần VOCs tạo ra từ quá trình nung chảy nhựa PEEK gồm: Styrene, 1-3 butadien,...

- Tải lượng và nồng độ ô nhiễm:

Theo “Michigan Department Of Environmental Quality - Environmental Science And Services Division”, lưu lượng VOC từ quá trình đùn ép nhựa là 0,0706 Lb/tấn nhựa.

Với khối lượng hạt nhựa sử dụng là 2.505tấn/năm, lượng VOC sẽ phát sinh như sau:

$0,0706 \text{ Lb/tấn} \times 453,5924 \text{ g/Lb} \times 2.505\text{tấn/năm} \approx 80.219,2\text{g/năm}$.

(1 Lb = 1 pound = 453,5924 g)

Số ngày làm việc là 300 ngày/năm, 01 ngày làm việc 8giờ thì lượng VOC phát sinh trong một ngày là $80.219,2 \text{ (g/năm)} / 300(\text{ngày}) = 267,4\text{g/ngày} \approx 33.425\text{mg/giờ}$.

Có thể ước tính nồng độ của VOCs ta dựa vào tổng lượng không khí cần dùng trong nhà xưởng, phương pháp tính toán như sau:

$$Tg = X * V \text{ (CT1)}$$

Trong đó:

Tg: Tổng lượng không khí cần dùng trong xưởng sản xuất (m^3/h)

X: Số lần thay đổi không khí trong 1 giờ. $X = 6 \text{ lần/giờ}$ (Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5687:2010 về thông gió - Điều hòa không khí - Tiêu chuẩn thiết kế).

V: thể tích = $S \times H = 150 \times 10 = 1.500 \text{ m}^3$. Trong đó S là tổng diện tích khu vực phát sinh hơi nhựa của 3 máy đùn (chỉ tính tại công đoạn đùn), H chiều cao phát thải.

$$Tg = 6 \times 1.500 = 9.000 \text{ m}^3/\text{h}$$

Nồng độ VOC trung bình của nhà xưởng sản xuất là (mg/m^3) = tải lượng/tổng lượng không khí cần dùng trong nhà xưởng = $3,71 \text{ mg}/\text{m}^3$.

Bảng 4. 2. Tải lượng, nồng độ VOC từ máy ép đùn nhựa

Tải lượng (mg/giờ)	Lưu lượng ($\text{m}^3/\text{giờ}$)	Nồng độ (mg/m^3)	QCVN
33.425	9.000	3,71	1-3 Butadien (20 mg/m^3) Styren (85 mg/m^3)

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng :

+ TCVS - Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002.

+ QCVN 03: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

Kết quả tính toán cho thấy nồng độ VOC (1-3 Butadien, Styren) phát sinh từ công đoạn đùn ép nhựa có nồng độ thấp hơn Tiêu chuẩn, quy chuẩn cho phép.

- Đối tượng chịu tác động:

+ Công nhân lao động trực tiếp tại khu vực đùn nhựa và khu vực lân cận.

+ Môi trường không khí trong xưởng sản xuất.

- Thời gian chịu tác động: trong thời gian dự án hoạt động.

➤ **Hơi dung môi từ công đoạn in**

Nguồn phát sinh: từ 04 máy in của quy trình sản xuất. Quá trình in sẽ phát sinh VOCs.

Trong công đoạn in khí thải phát sinh chủ yếu là dung môi. Dung môi dùng để pha mực in phục vụ cho quá trình in sản phẩm và nó chỉ đóng vai trò là chất mang. Hợp chất làm dung môi thường là các hỗn hợp bao gồm các hydrocacbon mạch thẳng như dung dịch naphta, các hydrocacbon mạch vòng thơm như toluen, xylen và các dẫn xuất halogen khác.

Trong điều kiện làm việc liên tục thì sự lan tỏa của chúng với mùi nồng gắt gây khó chịu không chỉ cho công nhân trực tiếp làm việc mà còn ảnh hưởng tới khu vực lân cận. Theo phương pháp đánh giá nhanh của WHO thì hệ số ô nhiễm hơi dung môi là 560kg/tấn.

Với khối lượng hơi dung môi sử dụng là 800,5 kg/tháng, lượng VOC sẽ phát sinh như sau:

$$560\text{kg/tấn} \times 800,5\text{tấn/tháng} \approx 448.280 \text{ kg/tháng.}$$

Số ngày làm việc là 26 ngày/tháng, 01 ngày làm việc 8 giờ thì lượng VOC phát sinh trong một ngày là $448.280(\text{kg/tháng})/26(\text{ngày}) = 17.241,5\text{kg/ngày} \approx 718,4\text{kg/giờ} \approx 89.800\text{mg/giờ.}$

Có thể ước tính nồng độ của VOCs ta dựa vào tổng lượng không khí cần dùng trong nhà xưởng, phương pháp tính toán như sau:

$$T_g = X * V \text{ (CT1)}$$

Trong đó:

T_g: Tổng lượng không khí cần dùng trong xưởng sản xuất (m³/h)

X: Số lần thay đổi không khí trong 1 giờ. X = 6 lần/giờ (Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5687:2010 về thông gió - Điều hòa không khí - Tiêu chuẩn thiết kế).

V: thể tích = S × H = 50 × 10 = 150m³. Trong đó S là tổng diện tích khu vực phát sinh hơi nhựa của 3 máy đùn (chỉ tính tại công đoạn đùn), H chiều cao phát thải.

$$T_g = 6 \times 150 = 900\text{m}^3/\text{h}$$

Nồng độ VOC trung bình của nhà xưởng sản xuất là (mg/m³) = tải lượng/tổng lượng không khí cần dùng trong nhà xưởng = 3,71mg/m³.

Bảng 4. 3. Tải lượng, nồng độ VOC từ máy ép đùn nhựa

Tải lượng (mg/giờ)	Lưu lượng (m ³ /giờ)	Nồng độ (mg/m ³)	QCVN
89.800	9.000	9,97	1-3 Butadien (20 mg/m ³) Styren (85 mg/m ³)

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng :

+ TCVS - Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002.

+ QCVN 03: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

Kết quả tính toán cho thấy nồng độ VOC (1-3 Butadien, Styren) phát sinh từ công đoạn đùn ép nhựa có nồng độ thấp hơn Tiêu chuẩn, quy chuẩn cho phép.

- Đối tượng chịu tác động:

+ Công nhân lao động trực tiếp tại khu vực in và khu vực lân cận.

+ Môi trường không khí trong xưởng sản xuất.

- Thời gian chịu tác động: trong thời gian dự án hoạt động.

2.2.2 Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a) Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển:

* Nhà máy hiện hữu

Các giải pháp khống chế ô nhiễm bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển đang được áp dụng như sau:

- Ưu tiên sử dụng nhiên liệu sạch, có chứa hàm lượng lưu huỳnh thấp;

- Quy định khu vực làm việc riêng cho từng loại xe, không chờ quá tải, dùng nhiên liệu đúng thiết kế của động cơ, thường xuyên kiểm tra và bảo trì đảm bảo tình trạng kỹ thuật xe tốt;

- Thực hiện bảo dưỡng định kỳ đối với các phương tiện vận chuyển thuộc tài sản của chủ dự án, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu các loại khí thải;

- Quy hoạch thời gian làm việc, tránh tập trung cùng lúc nhiều phương tiện vận chuyển gây tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm không khí;

- Thường xuyên quét dọn, tưới nước đường vận chuyển và sân bãi, đặc biệt là những ngày nắng nóng nhằm hạn chế lượng bụi phát sinh vào không khí.

- Đường nội bộ, sân bãi được đổ dãi và thường xuyên phun nước để hạn chế sự phát tán bụi do phương tiện vận chuyển gây ra. Khi chạy trong khuôn viên Dự án các phương tiện điều phải giảm tốc độ.

- Thường xuyên kiểm tra và sửa chữa khu vực sân, đường bị xuống cấp có khả năng phát sinh bụi.

** Dự án nâng công suất*

Tiếp tục áp dụng các giải pháp đang áp dụng của nhà máy hiện hữu.

b) Bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất

** Nhà máy hiện hữu*

➤ **Hơi nhựa từ máy ép đùn nhựa**

Nguồn phát sinh khí thải tại máy ép đùn nhựa là nguồn thải phân tán, ngoài ra, hạt nhựa sử dụng tại dự án là hạt nhựa nguyên sinh và kết quả đánh giá tác động từ quá trình đùn nhựa cho thấy tác động của nguồn khí thải từ quá trình đùn nhựa ảnh hưởng không đáng kể đến môi trường. Tuy nhiên, để giảm thiểu tác động tại công đoạn này thì nhà máy đã áp dụng các giải pháp sau:

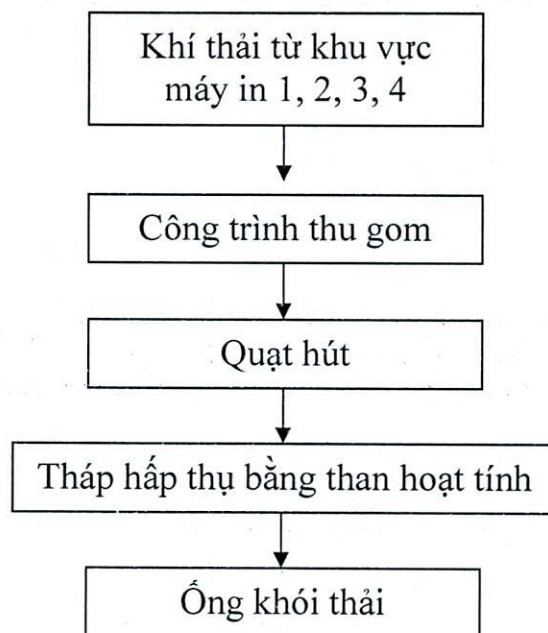
- Xây dựng nhà xưởng thông thoáng với chiều cao khoảng 10m;
- Nhà xưởng được bố trí giải pháp thông gió tự nhiên, triệt để lợi dụng hướng gió chủ đạo để bố trí hướng nhà hợp lý, tăng cường diện tích mái, cửa chớp và cửa sổ;
- Bố trí quạt thổi cục bộ tại các máy đùn nhựa.
- Trồng cây xanh xung quanh nhà xưởng;

➤ **Hơi dung môi từ công đoạn in**

Hiện tại, Nhà máy đã đầu tư công trình xử lý hơi dung môi phát sinh từ 03 máy in như sau:

- Công trình thu gom khí thải (hơi dung môi) phát sinh từ máy in 1, 2, 3 và máy in 4 như sau: Chụp hút máy in 1: (0,8x3)m, tuyến ống thu gom Ø42mm, dài khoảng 5m; Chụp hút máy in 2: (0,8x3)m, tuyến ống thu gom Ø42mm, dài khoảng 5m; Chụp hút máy in 3: (0,8x2)m, tuyến ống thu gom Ø42mm, dài khoảng 5m; Chụp hút máy in 4: (0,8x1,5)m, tuyến ống thu gom Ø42mm, dài khoảng 5m;

- Công trình xử lý khí thải (hơi dung môi) phát sinh từ máy in 1, 2, 3 và máy in 4: Công ty đã đầu tư hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ máy in 1, 2, 3 và máy in 4, công suất khoảng 5.000m³/giờ (theo công suất quạt hút đã lắp đặt), với sơ đồ quy trình xử lý như sau:



Hình 4. 2. Sơ đồ quy trình xử lý khí thải từ máy in 1, 2, 3, 4.

Thuyết minh quy trình: Khí thải phát sinh từ các máy in của các quy trình sản xuất theo công trình thu gom dẫn về hệ thống xử lý khí thải bằng tháp hấp phụ than hoạt tính. Các chất ô nhiễm sẽ được hấp phụ vào than hoạt tính và dòng khí sạch theo ống thải thoát ra môi trường. Khí thải sau hệ thống xử lý đảm bảo đạt QCVN QCVN 19: 2009/BTNMT, cột B, $K_v = 0,6$, $K_q = 1,2$ – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ và QCVN 20: 2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Bảng 4. 4. Thông số kỹ thuật chính hệ thống xử lý khí thải

Stt	Tên thiết bị, máy móc	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Số hệ thống	01 hệ thống	Công suất 5.000m ³ /giờ
2	Công trình thu gom		
2.1	Máy in 1	Chụp hút máy in 1: (0,8x3)m, tuyến ống thu gom Ø42mm, dài khoảng 5m	
2.2	Máy in 2	Chụp hút máy in 2: (0,8x3)m, tuyến ống thu gom Ø42mm, dài khoảng 5m	
2.3	Máy in 3	Chụp hút máy in 3: (0,8x2)m, tuyến ống thu gom Ø42mm, dài khoảng 5m	
2.4	Máy in 4	Chụp hút máy in 4: (0,8x1,5)m, tuyến ống thu gom Ø42mm, dài khoảng 5m	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại (Nâng công suất 2.160 tấn sản phẩm/năm lên 2.500 tấn sản phẩm/năm)

Stt	Tên thiết bị, máy móc	Số lượng	Thông số kỹ thuật
3	Quạt hút	01 cái	1kWh, lưu lượng 5.000m ³ /giờ
4	Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính	01 cái	Vật liệu nhựa kích thước 0,2m ³
5	Ống thải	01 cái	Ø49mm, cao 4m
6	Định mức tiêu hao điện năng		16kWh
7	Vật liệu sử dụng		Than hoạt tính

* Dự án nâng công suất

Giai đoạn nâng công suất không tăng thêm máy móc thiết bị sử dụng trong công đoạn ép đùn, công đoạn in nên không ảnh hưởng đến các hạng mục công trình đã lắp đặt. Do đó, ở giai đoạn nâng công suất sẽ tiếp tục áp dụng các giải pháp đang áp dụng ở nhà máy hiện hữu.

2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

2.3.1. Dự báo về khối lượng phát sinh

a) Rác thải sinh hoạt của công nhân

- Nguồn phát sinh: từ hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động và công nhân viên văn phòng của dự án.

- Khối lượng phát sinh:

Bảng 4. 5. Khối lượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt

Nguồn phát sinh	Đơn vị	Khối lượng	
		Hiện hữu	NCS
Số công nhân viên	Người	185	200
Hệ số phát thải	Kg/ngày	0,5	
Khối lượng phát sinh	Kg/ngày	92,5	100

- Thành phần:

Bảng 4. 6. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt

STT	Thành phần	%	STT	Thành phần	%
I	Chất hữu cơ		II	Chất vô cơ	
01	Thực phẩm thừa	9,0	08	Thủy tinh	8,0
02	Giấy	34,0	09	Can thiết	6,0

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại (Nâng công suất 2.160 tấn sản phẩm/năm lên 2.500 tấn sản phẩm/năm)

03	Carton	6,0	10	Nhôm	0,5
04	Nhựa cứng	7,0	11	Kim loại khác	3,0
05	Vải vụn	2,5	12	Xà bần, tro	3,0
06	Rác vụn	19	-	-	-
07	Gỗ	2,0	-	-	-
Tổng cộng (I +II)					100%

Nguồn: Nguyễn Văn Phước - Quản lý và xử lý CTR, NXB ĐHQG Tp HCM.

- Đánh giá tác động:

Về cơ bản, lượng chất thải rắn sinh hoạt của dự án không lớn, không mang tính độc hại, do đó ảnh hưởng đến môi trường không đáng kể. Tuy nhiên, trong môi trường khí hậu nhiệt đới, gió mùa, nóng ẩm, chất thải bị thối rữa nhanh. Nếu loại chất thải này không được quản lý tốt sẽ gây tác động xấu cho môi trường và là môi trường thuận lợi cho các vi trùng phát triển, làm phát sinh và lây lan các nguồn bệnh do côn trùng (chuột, ruồi..) ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Ngoài ra, chất thải rắn sinh hoạt nếu không quản lý tốt sẽ phát sinh mùi hôi thối, gây mất vệ sinh, ảnh hưởng đến mỹ quan khu vực.

Đối với dầu mỡ từ bể tách dầu mỡ nhà ăn nếu không có biện pháp kiểm soát hiệu quả sẽ phát sinh mùi hôi thối ảnh hưởng đến chính nhà máy của Công ty và nhà dân lân cận.

b) Chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của dự án chủ yếu: nhựa phế liệu, sản phẩm hỏng,...khoảng 60 tấn/năm

Giấy carton vụn, dây đai, mũ đeo, can thùng, mũ dòn, mũ xốp, ống nước, bao giấy, bao nilong, túi PE, thùng xốp,...khối lượng phát sinh tối đa khoảng 2 tấn/năm

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung khối lượng phát sinh tối đa 10kg/ngày, tương đương khoảng 3tấn/năm.

Các loại chất thải này đa phần đều có giá trị tái chế, tái sử dụng, dễ thu gom và vận chuyển nên ít gây tác động đến môi trường. Công ty sẽ tiến hành thu gom, lưu chứa, tùy từng loại chất thải mà Công ty sẽ định kỳ ký hợp đồng bán phế liệu hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

c) Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của dự án gồm:

Bảng 4. 7. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Tổng khối lượng phát sinh (kg/năm)	
				Hiện tại	NCS
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	50	60
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	500	550
3	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	50	50
Tổng cộng				600	660

Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh trong quá trình vận hành như sau:

Bảng 4. 8. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Tổng khối lượng phát sinh (kg/năm)	
				Hiện tại	NCS
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	300	320
2	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải (bao gồm cả ổ lưới của máy ép đùn)	Rắn	18 01 02	100	120
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	100	120
4	Hộp chứa mực in thải	Rắn	08 02 04	10	12
5	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	20	25

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại (Nâng công suất 2.160 tấn sản phẩm/năm lên 2.500 tấn sản phẩm/năm)

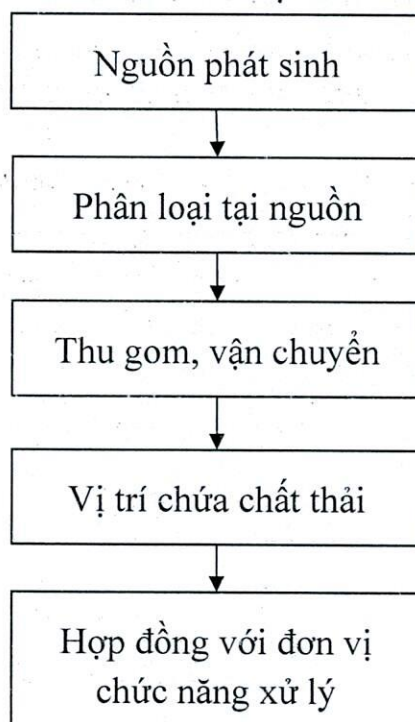
STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Tổng khối lượng phát sinh (kg/năm)	
				Hiện tại	NCS
Tổng cộng				530	597

Tác động của chất thải nguy hại: CTNH chứa các chất hoặc hợp chất có các đặc tính gây nguy hại trực tiếp (dễ cháy, dễ nổ, làm ngộ độc, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm...) và có thể tương tác với các chất khác gây nguy hại tới môi trường và sức khỏe con người. CTNH thường có đặc tính là tồn tại lâu trong môi trường và khó phân hủy, có khả năng tích lũy sinh học trong các nguồn nước, mô mỡ của động vật gây ra hàng loạt các bệnh nguy hiểm đối với con người. Do đó, nếu không được thu gom và xử lý đúng theo quy định trước khi thải bỏ sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến môi trường.

2.3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

Để thực hiện tốt việc quản lý chất thải rắn, vấn đề quan trọng đầu tiên là phải phân loại chất thải ngay tại nguồn phát sinh. Chất thải rắn được phân loại ngay tại nguồn phát sinh nhằm tái sử dụng chất thải rắn, đơn giản hóa quá trình xử lý, giúp tiết kiệm chi phí và giảm thiểu tác động đến môi trường.

Quy trình thu gom chất thải rắn của dự án:



Hình 4. 3. Sơ đồ thu gom chất thải tại dự án.

a) Giảm thiểu ô nhiễm do rác thải sinh hoạt:

**Nhà máy hiện hữu*

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được Dự án xử lý như sau:

- Công ty đã bố trí thùng chứa rác có nắp đậy dung tích từ 120-660 lít tại các khu vực văn phòng, nhà ăn và xưởng sản xuất.
- Cuối ngày chuyển ra khu vực công để chuyển giao cho đơn vị thu gom xử lý.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý.

**Dự án nâng công suất*

Tiếp tục thực hiện các giải pháp đang áp dụng tại nhà máy hiện hữu.

b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường

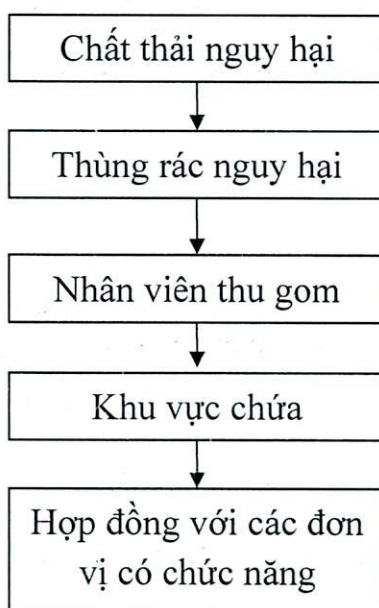
- Biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường ở nhà máy hiện hữu:

- + Bố trí 01 khu vực chứa, tổng diện tích 30m² để thu gom lưu giữ.
- + Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái tôn.
- + Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.
- Biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường ở giai đoạn nâng công suất:

+ Tiếp tục thực hiện các giải pháp đang áp dụng tại nhà máy hiện hữu.

c) Giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:

- Quy trình thu gom chất thải nguy hại của Công ty:



Hình 4. 4. Sơ đồ quy trình thu gom chất thải nguy hại.

- Biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại ở nhà máy hiện hữu:

+ Công ty đã bố trí khu vực chứa diện tích khoảng 24m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái tôn, có gờ chống tràn và dán nhãn. Kho lưu chứa, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo quy định tại khoản 2, 3 Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại ở giai đoạn nâng công suất:

+ Tiếp tục thực hiện các giải pháp đang áp dụng tại nhà máy hiện hữu.

+ Không đầu tư thêm kho chứa chất thải nguy hại.

2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường

2.4.1. Nguồn ồn, rung

Ồn, rung từ dây chuyền, máy móc thiết bị trong nhà máy: Độ rung và tiếng ồn của Dự án phát sinh chủ yếu từ các động cơ của máy móc, thiết bị khi vận hành hệ thống, từ các băng tải và hoạt động xuất nhập hàng của công nhân. Tuy nhiên, vị trí đặt các máy phát sinh tiếng ồn trong không gian rộng lớn xung quanh có tường chắn, đồng thời khuôn viên dự án tương đối rộng nên tiếng ồn và rung ảnh hưởng ít đến xung quanh. Tác động của tiếng ồn chỉ ảnh hưởng đến nhân viên vận hành trực tiếp.

2.4.2. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường

Ồn, rung từ máy móc, thiết bị trong nhà máy: Các thiết bị được kê trên nền đúc chắc chắn và lót thảm chống rung.

Công ty thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

Để hạn chế ồn từ các phương tiện giao thông, chúng tôi yêu cầu xe hai bánh phải tắt máy dẫn bộ trong khuôn viên nhà máy. Đối với xe tải vận chuyển nguyên liệu và thành phẩm phải tắt máy trong lúc bốc xếp hàng hóa để giảm ồn.

Yêu cầu công nhân không được đùa giỡn trong lúc làm việc và lúc tan ca để tránh gây ồn cho người dân khu vực xung quanh nhà máy. Công nhân vi phạm có thể bị khiển trách, kỷ luật tùy theo mức độ tái phạm.

2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

2.5.1. Các rủi ro, sự cố

a) Khả năng cháy nổ

Nguyên nhân phát sinh cháy nổ tại Dự án bao gồm:

Các nguyên nhân dẫn đến cháy, nổ có thể do:

- Vứt bừa tàn thuốc hay những nguồn lửa khác vào khu vực dễ cháy
- Sự cố về các thiết bị điện - dây điện.
- Sự cố sét đánh
- Sự cố về điện gây chập cháy.

Sự cố cháy nổ không những hủy hoại tài sản, thiết bị, gây nguy hiểm đến sức khỏe và tính mạng của con người mà còn có khả năng phá hủy môi trường tự nhiên. Cháy nổ có thể gây ra những sự cố khác hoặc sản sinh ra những nguồn gây ô nhiễm tới chất lượng đất, nước và chất lượng không khí như: CO_x, SO_x, NO_x, bụi,... Những sự cố cháy lớn có khả năng sinh ra lượng chất ô nhiễm lớn. Các khí SO_x, NO_x khi bị oxy hóa trong không khí, kết hợp với nước chữa cháy hoặc nước mưa tạo nên mưa axit gây ảnh hưởng đến sự phát triển của thảm thực vật. Sản phẩm cháy tràn, nước chống cháy chứa hóa chất có thể ngấm xuống đất gây ô nhiễm nước ngầm hoặc chảy tràn xuống các kênh khu vực dự án làm ô nhiễm nước mặt, gây ảnh hưởng đến môi trường sống của các loài thủy sinh, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người.

b) Sự cố hệ thống xử lý nước thải, khí thải

- Đối với hệ thống xử lý khí thải

Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý khí thải có thể xảy ra các sự cố như: cúp điện, hư hỏng các thiết bị xử lý (hư quạt hút, rò rỉ đường ống thu gom) hoặc vận hành không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật,...

Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố, nếu không có biện pháp xử lý kịp thời, lượng khí thải này sẽ thoát trực tiếp ra môi trường xung quanh, hậu quả sẽ gây ô nhiễm môi trường không khí xung quanh và công nhân lao động.

Để hạn chế các tác động do chính các công trình xử lý ô nhiễm gây ra, chủ đầu tư sẽ có chương trình giám sát việc vận hành các hệ thống xử lý này một cách thường xuyên và nghiêm túc.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải:

Những sự cố có thể xảy ra tại trạm xử lý nước thải tập trung như hư hỏng các máy móc thiết bị của các công trình đơn vị như bơm định lượng nước thải, máy thổi khí, bị nghẹt đường ống, nước thải đầu vào có tính chất bất thường, vận hành không đúng qui định dẫn đến tình trạng hiệu suất xử lý của hệ thống xử lý nước thải giảm.

2.5.2. Các biện pháp giảm thiểu rủi ro, sự cố

a) Sự cố cháy nổ

Thực hiện theo phương án phòng ngừa và ứng phó đã được Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an tỉnh Tiền Giang phê duyệt và cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy. Lắp đặt các công trình, phương tiện PCCC theo hồ sơ thiết kế và đơn cơ quan chức năng kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.

b) Sự cố hệ thống xử lý nước thải

*** Đối với hệ thống xử lý nước thải**

+ Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ các yêu cầu vận hành và bảo trì, bảo dưỡng.

+ Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắt nghẽn; kiểm tra bơm định lượng, vệ sinh màng bơm.

+ Đào tạo, hướng dẫn nhân viên vận hành để thực hiện đúng các yêu cầu vận hành và nhận biết các sự cố phát sinh.

+ Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng. Trong trường hợp sự cố thiết bị, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

+ Trường hợp hư hỏng kéo dài phải dừng các công đoạn có phát sinh nước thải sản xuất. Trường hợp cần thiết dừng toàn bộ hoạt động sản xuất đến khi sửa chữa, khắc phục hoàn toàn.

*** Đối với các hệ thống xử lý khí thải**

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như quạt hút, than hoạt tính...

- Đào tạo, hướng dẫn nhân viên vận hành để thực hiện đúng các yêu cầu vận hành và nhận biết các sự cố phát sinh.

- Trường hợp hệ thống xử lý khí thải có sự cố thì các công đoạn sản xuất có liên quan đến hệ thống phải tạm ngưng hoạt động cho đến khi khắc phục, sửa chữa xong. Trường hợp cần thiết dừng toàn bộ hoạt động sản xuất đến khi sửa chữa, khắc phục hoàn toàn.

2.6. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi:

Nước thải phát sinh từ dự án được thu gom và xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15m³/ngày.đêm. Nước thải sau hệ thống xử lý đạt QCVN 14: 2008/BTNMT, cột A trước khi thoát ra cống thoát nước chung của khu vực.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

Bảng 4. 9. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

STT	Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường
I	Công trình bảo vệ môi trường
1	Hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn in: 5.000m ³ /giờ
2	Hệ thống xử lý nước thải tập trung 15m ³ /ngày.đêm

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại (Nâng công suất 2.160 tấn sản phẩm/năm lên 2.500 tấn sản phẩm/năm)

STT	Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường
3	Khu vực chứa chất thải nguy hại 24m ² .
4	Khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường 30m ² .
II	Biện pháp bảo vệ môi trường
1	Đối với nước thải
1.1	Biện pháp quản lý nước mưa chảy tràn
2	Đối với bụi, khí thải
2.1	Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển
3	Chất thải rắn công nghiệp
3.1	Biện pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt
3.2	Biện pháp quản lý chất thải thông thường
3.3	Biện pháp quản lý chất thải nguy hại
4	Các tác động không liên quan đến chất thải
4.1	Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung
4.2	Biện pháp giảm thiểu rủi ro, sự cố (sự cố cháy nổ, sự cố hệ thống xử lý nước thải)

- Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường: Các công trình bảo vệ môi trường đã được xây dựng ở nhà máy hiện hữu, giai đoạn nâng công suất không xây dựng thêm các công trình bảo vệ môi trường.

- Kế hoạch tổ chức các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

Bảng 4.10. Kế hoạch tổ chức các biện pháp bảo vệ môi trường khác

STT	Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kế hoạch thực hiện
I	Công trình bảo vệ môi trường	Trong suốt quá trình hoạt động của dự án
1	Đối với nước thải	
1.1	Biện pháp quản lý nước mưa chảy tràn	
2	Đối với bụi, khí thải	
2.1	Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển	
3	Chất thải rắn công nghiệp	
3.1	Biện pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt	
3.2	Biện pháp quản lý chất thải thông thường	
3.3	Biện pháp quản lý chất thải nguy hại	
4	Các tác động không liên quan đến chất thải	
4.1	Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	
4.2	Biện pháp giảm thiểu rủi ro, sự cố (sự cố cháy nổ, sự cố hệ thống xử lý nước thải, khí thải)	

- Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường:

Chủ đầu tư dự án: Công ty Cổ phần Bao bì Tiên Giang

+ Nguồn vốn: Việc đầu tư xây dựng, quản lý và vận hành các công trình bảo vệ môi trường bằng nguồn vốn của Chủ dự án.

+ Cơ quan, tổ chức triển khai thực hiện dự án và quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường: Công ty Cổ phần bao bì Tiền Giang.

4. Nhận xét về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả đánh giá, dự báo

Các đánh giá về các tác động môi trường tại khu vực dự án vừa có tính chính xác, cụ thể và độ tin cậy cao vừa khái quát được các tác động.

Phần đánh giá về nguồn gây tác động đã nêu được những nguồn gây tác động trong giai đoạn vận hành của dự án. Phần này đã liệt kê một cách chi tiết các nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải và các nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải, định lượng, cụ thể hóa từng nguồn phát thải và so sánh, đối chiếu với các tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành.

Bảng 4. 11. Mức độ tin cậy của các phương pháp đã sử dụng

STT	Phương pháp	Độ tin cậy	Nguyên nhân
1	Phương pháp thống kê	+++	Dựa theo số liệu thống kê chính thức của tỉnh và địa phương.
2	Phương pháp đánh giá nhanh theo hệ số ô nhiễm do WHO thiết lập	++	Dựa vào hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế Giới thiết lập nên chưa thật sự phù hợp với điều kiện Việt Nam.
3	Phương pháp so sánh	+++	Kết quả phân tích có độ tin cậy cao
4	Phương pháp điều tra, khảo sát	+++	Phương pháp dựa vào cái tài liệu đã có sẵn, cập nhật, bổ sung các tài liệu mới.
5	Phương pháp lấy mẫu	+++	Kết quả phân tích có độ tin cậy cao

Chú thích:

+++ : *Mức độ tin cậy cao;*

++ : *Mức độ tin cậy trung bình;*

+ : *Mức độ tin cậy thấp.*

Chương V

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt nhà vệ sinh, nhà ăn, 14m³/ngày.đêm.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 15m³/ngày.đêm (theo công suất thiết kế hệ thống xử lý nước thải).
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A, K = 1,2
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	60
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	36
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	7,2
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải: Khu phố Trung Lương, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trục 105⁰45', múi 3⁰) X: 1148394, Y: 564058

- + Phương thức xả nước thải: Tự chảy, liên tục 24h

- + Nguồn tiếp nhận nước thải: Công thoát nước chung của khu vực

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

- Nguồn phát sinh khí thải:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại (Nâng công suất 2.160 tấn sản phẩm/năm lên 2.500 tấn sản phẩm/năm)

- + Nguồn số 01: Khí thải phát sinh tại máy in 1
- + Nguồn số 02: Khí thải phát sinh tại máy in 2
- + Nguồn số 03: Khí thải phát sinh tại máy in 3
- + Nguồn số 04: Khí thải phát sinh tại máy in 4.
- Lưu lượng xả khí thải tối đa: $5.000\text{m}^3/\text{giờ}$; $80.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (ngày hoạt động 16 giờ).
- Dòng khí thải: 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải:
- + Dòng số 01 : Tương ứng với ống khói thải của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ máy in 1, 2, 3 và máy in 4.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Bảng 5. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 20: 2009/BTNMT
1	n-Butyl axetat	mg/Nm^3	950
2	Etyl axetat	mg/Nm^3	1.400
3	Toluene	mg/Nm^3	750
4	Benzen	mg/Nm^3	5

- Vị trí, phương thức xả khí thải: Trong khuôn viên dự án. Khu phố Trung Lương, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi 3°) X: 1148253, Y: 564065

+ Phương thức xả thải: Xả gián đoạn 16giờ/ngày.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Nhà xưởng sản xuất.

- Nguồn số 02: Từ hệ thống xử lý nước thải tập trung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: X (m) = 1148222, Y (m) = 564060.

- Nguồn số 02: X (m) = 1148226, Y (m) = 563993.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $10^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại (Nâng công suất 2.160 tấn sản phẩm/năm lên 2.500 tấn sản phẩm/năm)

- Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 6. 1. Thời gian và công suất dự kiến

Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu – Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 15m ³ /ngày.đêm	03/2025 – 06/2025	100%
Hệ thống xử lý khí thải các máy in, công suất 5.000m ³ /giờ		70%

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

- Kế hoạch chi tiết thời gian dự kiến lấy các mẫu chất thải trước khi thải ra môi trường (Được quy định chi tiết tại Khoản 5, Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT):

Bảng 6. 2. Kế hoạch chi tiết thời gian dự kiến lấy các mẫu chất thải và quy chuẩn so sánh

Công trình xử lý chất thải	Thời gian, tần suất dự kiến lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 15m ³ /ngày.đêm	15/06/2025, 16/06/2025, 17/06/2025	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A, K = 1,2
Hệ thống xử lý khí thải các máy in, công suất 5.000m ³ /giờ		QCVN 20: 2009/BTNMT

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

- Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và phân tích Môi trường Phương Nam.

- Trụ sở: 1358/12/5G Đường Quang Trung, Phường 14, Quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: 028.62959784 – Fax: 028.629.59783

- Hot line: 0919 797 284 – 0919 986 829;

- E-mail: moitruongphuongnam@gmail.com.

- Website: www.moitruongphuongnam.com.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Quan trắc nước thải: Hoạt động của dự án không làm phát sinh các nguồn nước thải, khí thải thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc theo quy định tại Điều 97, 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 nên dự án không phải thực hiện quan trắc nước thải.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục chất thải.

2.3. Chương trình quan trắc theo đề xuất của chủ dự án: Không

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm: Không

Chương VII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chủ dự án cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Chủ dự án cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nơi thực hiện dự án
- Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu môi trường ít nhất 03 đợt khảo sát.
- Bản vẽ các hệ thống xử lý khí thải.
- Bản vẽ thiết kế cơ sở hệ thống xử lý nước thải
- Các bản vẽ liên quan đến dự án.
- Các giấy tờ khác liên quan đến dự án.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 1200568151

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 04 năm 2005

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 31 tháng 05 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIEN GIANG PACKAGING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TIGIPACK

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khu phố Trung Lương, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0273.3855684

Fax: 0273.3858702

Email: tigipack.vn@gmail.com

Website: www.tigipack.com.vn

3. Vốn điều lệ: 11.900.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười một tỷ chín trăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.190.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HOÀNG ANH TÚ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/01/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 048074000005

Ngày cấp: 02/11/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số 10 Tân Khai, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 10 Tân Khai, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Dương Công Định

bản chính

Số : 628/HĐTD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003.

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định cho thuê đất số: 1550/QĐ-UB ngày 28 tháng 4 năm 2005 của UBND tỉnh về việc cho Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang thuê đất.

Hôm nay, ngày 28 tháng 4 năm 2005, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang, chúng tôi gồm:

1/ Bên cho thuê đất là: Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Do ông: **Phan Thanh Hiền**, Giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang làm đại diện.

2/ Bên thuê đất là: Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang.

Địa chỉ trụ sở chính: khu phố Trung Lương, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Do ông: **Lê Tấn Thành**, Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang.

Số tài khoản: 710A.00129 tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam chi nhánh Tiền Giang.

Hai Bên thống nhất ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1: Bên cho thuê đất cho bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1- Diện tích đất: 12.461,2 m² (mười hai ngàn bốn trăm sáu mươi một phẩy hai mét vuông).

Tại: Khu phố Trung Lương, phường 10, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang để sử dụng vào mục đích: làm cơ sở sản xuất và kinh doanh bao bì.

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích đo bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ: 1/500 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh xác lập ngày 07/9/2004.

3. Thời hạn thuê đất: đến hết ngày 01/01/2046.

4. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 2: Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1- Giá tiền thuê đất là: 2.100đồng/m²/năm (hai ngàn một trăm đồng chẵn).

Giá tiền thuê đất sẽ được điều chỉnh hàng năm theo bảng giá các loại đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2- Số tiền phải trả một năm: 26.168.520 đồng (hai mươi sáu triệu một trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm hai mươi đồng).

3- Phương thức nộp tiền thuê đất: trả hàng năm

Lần đầu nộp 50%: (13.084.260 đồng) trước ngày 30/6/2005.

Lần sau nộp 50%: (13.084.260 đồng) trước ngày 15/12/2005.

4- Tiền thuê đất được tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2005.

5- Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc nhà nước tỉnh.

Điều 3: Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của hợp đồng này.

Điều 4: Trách nhiệm của mỗi bên:

1- Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho Bên thứ ba (trừ trường hợp phải thu hồi đất theo quy định tại Điều 38 của Luật Đất đai).

2- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, bên thuê đất không được chuyển quyền sử dụng đất thuê. Trường hợp Bên thuê đất bị chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp mà hình thành pháp nhân mới hoặc bán tài sản gắn liền với đất thuê cho tổ chức, cá nhân khác thì pháp nhân mới hoặc tổ chức, cá nhân mua tài sản được tiếp tục thuê đất trong thời gian còn lại của hợp đồng này.

3- Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là sáu tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian ba tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.



4- Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp.
- Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận.
- Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mãi tài sản hoặc giải thể.
- Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định tại Điều 38 của Luật Đất đai.

Điều 5: Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 6: Hai bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu bên nào không thực hiện thì bên đó phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 7: Hợp đồng này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan Tài chính, Thuế nơi đã xác định mức thu tiền thuê đất, Kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này thay thế hợp đồng số 818/HĐ.TĐ ngày 01/10/1999 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Bên thuê đất



Lê Cẩm Thành

**Bên cho thuê đất
GIÁM ĐỐC**



Phan Thanh Hiền



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số AB 026339

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG

Quyết định số: 4439/QĐ/BNN-TCCB, ngày 9/12/2004

Địa chỉ trụ sở chính: Khu phố Trung Lương, phường 10,
thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

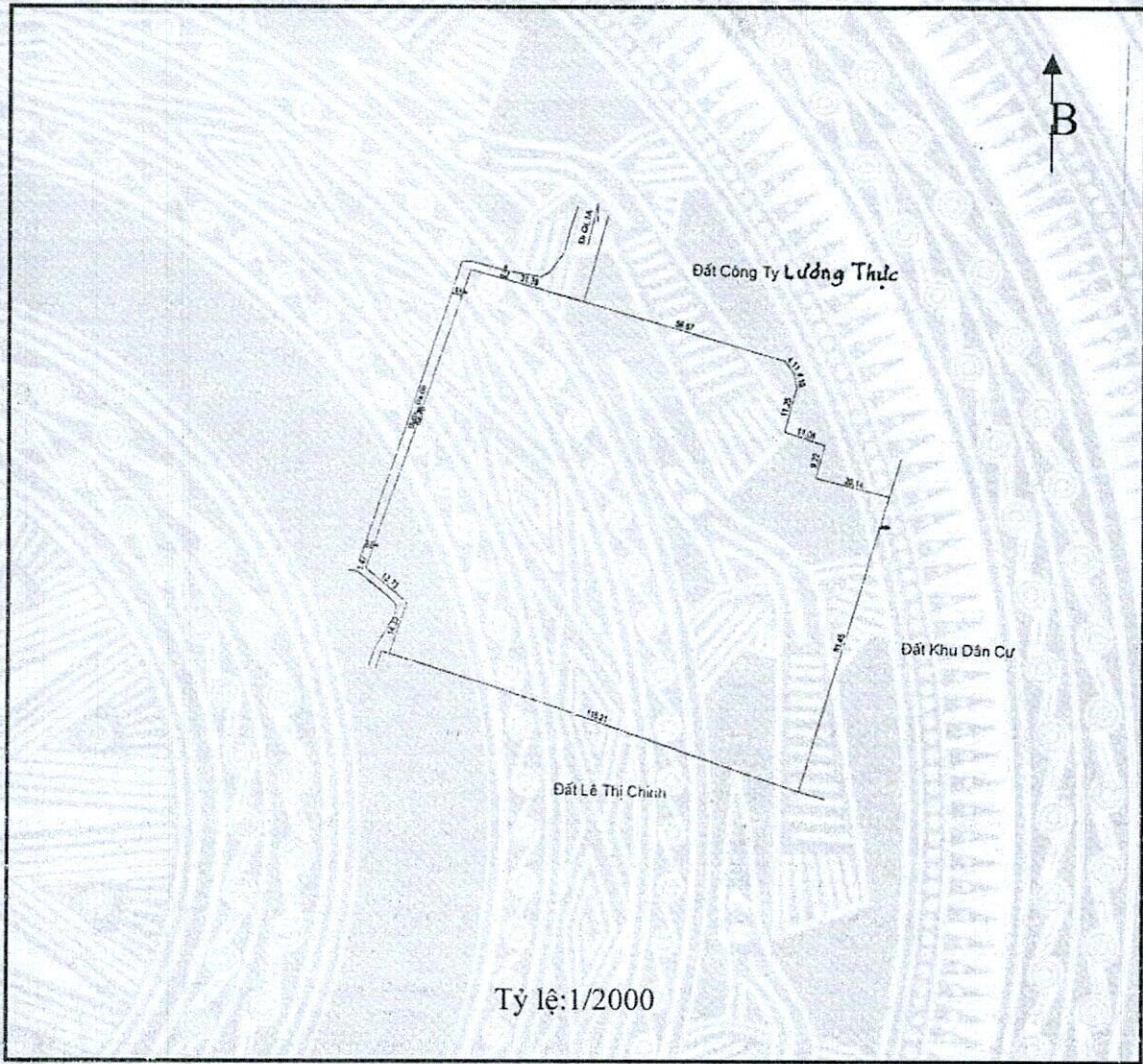
II- Thửa đất được quyền sử dụng

- | | |
|---------------------------------------|---|
| 1. Thửa đất số: 42 | 2. Tờ bản đồ số: 10 |
| 3. Địa chỉ thửa đất: | khu phố 1, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang |
| 4. Diện tích: 12.461,2 m ² | |
| Bằng chữ: | Mười hai ngàn bốn trăm sáu mươi một phẩy hai mét vuông |
| 5. Hình thức sử dụng: | |
| + Sử dụng riêng: | 12.461,2 m ² |
| + Sử dụng chung: | Không |
| 6. Mục đích sử dụng đất: | Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh. |
| 7. Thời hạn sử dụng đất: | 01/01/2046 |
| 8. Nguồn gốc sử dụng đất: | Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm. |

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

V-Sơ đồ thửa đất



Ngày 28 tháng 4 năm 2005
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký tên, đóng dấu)





NGUYỄN VĂN PHÒNG
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phòng

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T00196

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
20/5/2010	Đã xoá đăng ký thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất theo hồ sơ số: 000112 (Đơn yêu cầu xoá đăng ký thế chấp ngày 16/4/2010)/.	 

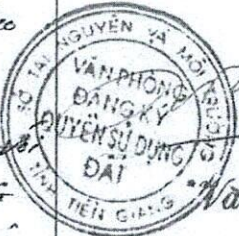


NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

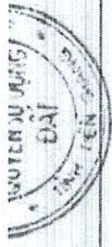
1. Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
2. Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
3. Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
4. Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số Thửa 42, số Tô Bản đồ 10
 Số Phát hành giấy CN&SD: AB 026339
 Số vào sổ cấp giấy CN&SD: T00196

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
09-02-2007	<p>- Tài sản gắn liền với đất: Nhà để xe Văn phòng làm việc, Xưởng dệt + in bao bì + Kho, Nhà nghỉ, Khu vệ sinh cấp 4, Kết cấu: Cột Thép + bê tông, Vách Tuồng, mái Tole; Tổng diện tích 5228,68m² Theo giấy CN&SD CTXD số 0064 cấp ngày 28-11-2006.</p> <p>Thẻ chấp Tài sản gắn liền với đất ở Chi nhánh Ngân hàng Công Thương TG theo đơn yêu cầu đăng ký Thẻ chấp ngày 03-01-2007</p>	<p>KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC</p>  <p>Văn Đình Cử</p>
08/01/2008	<p>Đã xóa thẻ chấp bằng tài sản gắn liền với đất theo đơn yêu cầu xóa đăng ký thẻ chấp ngày 08/01/2008./.</p>	 <p>Văn Đình Cử</p>
08/01/2008	<p>Thẻ chấp bằng tài sản gắn liền với đất với Chi nhánh Ngân hàng Công Thương tỉnh TG, theo Hợp đồng số: 70605/HĐTC ngày 24/12/2007./.</p>	 <p>Văn Đình Cử</p>



21/4

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

Số: 1550/QĐ-UB



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mỹ Tho, ngày 28 tháng 4 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

CÔNG VĂN
Số: 1259/2005/QĐ-UB
Ngày: 28 tháng 4 năm 2005

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường .

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang thuê 12.461,2m² đất tại: khu phố 1, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, sử dụng vào mục đích làm cơ sở sản xuất và kinh doanh bao bì;

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích đo bản đồ địa chính khu đất, tỷ lệ: 1/500, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang lập ngày 27 tháng 8 năm 2004;

Đơn giá thuê đất: 2.100 đồng/m²/năm, đơn giá thuê sẽ được điều chỉnh hàng năm theo khung giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;

Thời hạn thuê đất: đến hết ngày 01/01/2046;

Phương thức nộp tiền thuê đất: trả hàng năm.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1/ Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

a. Thông báo cho Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật;

b. Ký hợp đồng thuê đất với Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang;

c. Trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang khi đã hoàn thành-nghĩa vụ tài chính theo quy định.

2/ Cục thuế tỉnh căn cứ Quyết định của UBND tỉnh về việc bán hành giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang để điều chỉnh tiền thuê đất hàng năm của Công ty.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3.
- Lưu VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phòng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH TIỀN GIANG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Số: 4454 /VPĐKĐĐ-TTTL

Tiền Giang, ngày 26 tháng 5 năm 2023

V/v cung cấp hồ sơ, tài liệu

Kính gửi: Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang

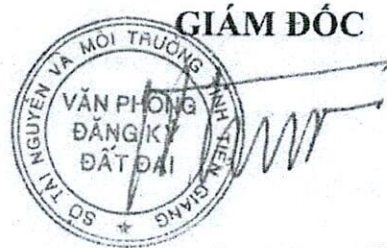
Văn phòng Đăng ký đất đai (viết tắt là Văn phòng) nhận được Giấy giới thiệu 05/GGT ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang về việc giới thiệu bà Lê Nguyễn Thanh Trà liên hệ Văn phòng trích lục Quyết định số 1550/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ngày 28 tháng 4 năm 2005 về việc cho Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang thuê đất.

Qua kiểm tra, Văn phòng cung cấp trích sao hồ sơ, tài liệu nêu trên để Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang tham khảo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TTTL.



Nguyễn Hữu Tiến

Số: 2474/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 24 tháng 9 năm 2015



QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết Nhà máy sản xuất
bao bì nhựa các loại, công suất: 2.160 tấn sản phẩm/năm
của Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại đã được hoàn chỉnh gửi kèm Văn bản số 95/BBTG ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3114/TTr-STNMT ngày 23 tháng 7 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết (sau đây gọi là Đề án) Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại, công suất: 2.160 tấn sản phẩm/năm được lập bởi Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang (sau đây gọi là Chủ cơ sở) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Vị trí và công suất hoạt động:

a) Vị trí hoạt động: Khu phố Trung Lương, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

b) Công suất hoạt động: 2.160 tấn sản phẩm/năm.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

a) Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án.

b) Thực hiện thu gom và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở đạt cột A, Quy chuẩn Việt Nam QCVN 14:2008/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

c) Quá trình hoạt động của cơ sở phải tuân thủ các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với chất lượng không khí xung quanh, tiếng ồn, chất thải nguy hại... ; bảo đảm hoạt động không phát sinh bụi, tiếng ồn, ... vượt giới hạn cho phép gây ảnh hưởng đến người lao động và dân cư xung quanh cơ sở.

c) Quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

d) Thực hiện đúng quy định về phòng cháy chữa cháy, an toàn về điện, an toàn lao động; xây dựng phương án và trang bị đầy đủ phương tiện kỹ thuật để ứng cứu kịp thời, hiệu quả các sự cố điện, hỏa hoạn, tai nạn lao động và các sự cố môi trường khác xảy ra trong quá trình hoạt động.

d) Thực hiện đầy đủ chương trình quản lý và giám sát môi trường; đối với chất thải phải được giám sát đầy đủ lưu lượng/tổng lượng thải và những thông số ô nhiễm đặc trưng theo Quy chuẩn hiện hành của Việt Nam. Kết quả giám sát môi trường phải được cập nhật, lưu giữ tại cơ sở và định kỳ báo cáo bằng văn bản về công tác bảo vệ môi trường kèm theo kết quả giám sát môi trường đến cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

e) Sau 90 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án, chủ cơ sở phải hoàn thành việc xây dựng hệ thống xử lý khí thải phát sinh tại công đoạn in của nhà máy.

Điều 2. Trong quá trình thực hiện nếu có những nội dung thay đổi so với đề án được duyệt thì chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

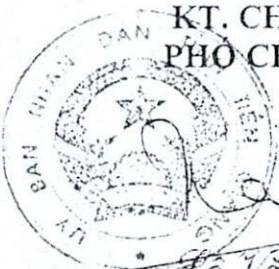
Điều 3. Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của cơ sở là căn cứ để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho và Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *nh*

- Như Điều 5;
- VPUB: PVP Nguyễn Hữu Đức, các Phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, Nguyên. 5

KT. CHỦ TỊCH *Đức*
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Nho

UBND TỈNH TIỀN GIANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2131 /STNMT-CCMT

Tiền Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2017

V/v xác nhận hoàn thành công trình BVMT theo đề án BVMT chi tiết đối với “Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại – công suất 2.160 tấn sản phẩm/ năm” của Công ty CP Bao bì Tiền Giang

Kính gửi: Công ty CP Bao bì Tiền Giang

Địa chỉ: Khu phố Trung Lương, phường 10, thành phố Mỹ Tho

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản; Công văn số 3789/UBND-KTN ngày 11/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc giao thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết của các cơ sở trên địa bàn tỉnh.

Ngày 07/3/2017, Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 101/QĐ-STNMT ngày 23/02/2017 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành kiểm tra việc hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với “Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại – công suất 2.160 tấn sản phẩm/ năm” (Nhà máy) của Công ty CP Bao bì Tiền Giang (Công ty).

Căn cứ kết quả kiểm tra và kết quả phân tích mẫu khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của Nhà máy theo Phiếu Kết quả thử nghiệm số 022303 ngày 29/3/2017 do Viện Môi trường và Tài nguyên thực hiện, Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận:

Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại – công suất 2.160 tấn sản phẩm/ năm của Công ty CP Bao bì Tiền Giang đã hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2474/QĐ-UBND ngày 21/9/2015, cụ thể: Nhà máy đã lắp đặt 03 chụp hút tại 03 máy in bằng mực nước có phát sinh hơi dung môi. Quy trình xử lý khí thải tại Nhà máy như sau: 03 Máy in → 03 Chụp hút → 01 Quạt hút → 01 Tháp hấp thụ → Xả thải.

Đối với việc trang bị thêm 01 máy in dự phòng, Công ty cần có văn bản báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét.

Trên đây là xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với “Nhà máy sản xuất bao bì nhựa các loại – công suất 2.160 tấn sản phẩm/ năm” của Công ty CP Bao bì Tiền Giang. Sở Tài nguyên và Môi trường gửi đến Công ty được biết. Đề nghị trong quá trình hoạt động, Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ

môi trường; vận hành thường xuyên công trình bảo vệ môi trường. Trong trường hợp có thay đổi về nội dung so với đề án đã được phê duyệt, phải có văn bản báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét và có ý kiến trước khi tiến hành thay đổi./.

Đính kèm: Phiếu Kết quả thử nghiệm 022303 ngày 29/3/2017 của Viện Môi trường và Tài nguyên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Phòng TN&MT Tp. Mỹ Tho;
- Lưu: VT, CCBVMT (Kim).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Châu

Mẫu số 38 - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

A - PHẦN DÀNH CHO TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đăng ký:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân: Công ty Cổ phần Bao bì tiền Giang
(Đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh/đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo Chứng minh nhân dân).

1.2. Địa chỉ liên hệ: Khu phố Trung Lương, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

1.3. Số điện thoại liên hệ (nếu có): 0273 3867887

2. Thông tin về công trình khai thác:

2.1. Vị trí công trình: Khu phố Trung Lương, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
(Ghi rõ thôn/ấp; xã/phường; quận/huyện; tỉnh/thành phố nơi đặt công trình khai thác nước dưới đất)

2.2. Chiều sâu khai thác: 374 (m);

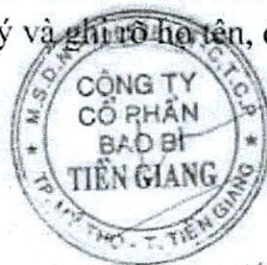
2.3. Lượng nước khai thác, sử dụng: 09 (m³/ngày đêm);

2.4. Mục đích khai thác, sử dụng nước: ăn uống, sinh hoạt, sản xuất.

(Ghi rõ khai thác, sử dụng nước cho: ăn uống, sinh hoạt hộ gia đình; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc các mục đích khác)

Tiền Giang, ngày 15 tháng 06 năm 2022

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ
(ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)



Lưu Văn Tường

B - PHẦN XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ

1. Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho xác nhận: **Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang**, địa chỉ: Khu phố Trung Lương, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã đăng ký công trình khai thác nước dưới đất tại Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho.

2. Vị trí công trình: Khu phố Trung Lương, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Lưu lượng khai thác: 09 m³/ngày đêm. Mục đích sử dụng: phục vụ ăn uống, sinh hoạt, sản xuất của Công ty.

3. Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang có trách nhiệm sau:

- Trường hợp không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất thì thông báo và trả Tờ khai thông qua Trưởng khu phố để báo cho Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho (thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Mỹ Tho) hoặc thông báo trực tiếp và trả Tờ khai cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Mỹ Tho (địa chỉ: Số 330 Ấp Bắc, Phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang);

- Thực hiện việc trám lấp giếng theo quy định khi không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất;

- Thông báo ngay cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Mỹ Tho khi có sự cố nghiêm trọng xảy ra trong quá trình khai thác nước dưới đất tại công trình đăng ký. /.

Nơi nhận:

- Cty CP Bao bì TG;
- Phòng TNMT;
- UBND P10;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Đức

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TIỀN GIANG
Số: 255/ITD-PCCC (.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - ln 2007

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số..... 01 ngày 26 / 03 / 2010
của: Công ty Cổ phần Bao Bì Tiên Giang-TP Mỹ Tho - Tiền Giang.....

Người đại diện là ông/ bà: LÊ TẤN THÀNH Chức danh Giám Đốc
(1) PHÒNG CẢNH SÁT PCCC.....

CHỨNG NHẬN:

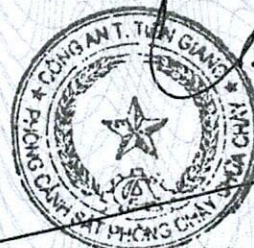
(2) Công Trình: NHÀ XƯỞNG CÔNG TY CP BAO BÌ TIỀN GIANG
Địa điểm: Khu phố Trung Lương - Phường 10 – TP Mỹ Tho - Tiền Giang
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện Công ty Cổ phần Bao Bì Tiên Giang-TP Mỹ Tho - Tiền Giang
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ M&T
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau: Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: Trang bị thêm 01 máy bơm chữa cháy (động cơ điện) dự phòng, có Q≥1800l/p, H≥60m. Thi công lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy phải theo đúng bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt và do tổ chức có tư cách pháp nhân chuyên ngành thực hiện. Phối hợp Phòng Cảnh sát PCCC tổ chức nghiệm thu hệ thống cấp nước chữa cháy trước khi đưa vào sử dụng.

Mỹ Tho ngày 08 tháng 04 năm 20 10
(4) TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

Nơi nhận:
-C23;
-Chủ đầu tư;
-Lưu: Đội-KT.



(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI
(Số: 3396B /2024/HĐXLCT-TĐX.AD)

- ✓ Căn cứ Luật bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- ✓ Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- ✓ Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành;
- ✓ Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- ✓ Căn cứ Thông tư 02/2022/TT – BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- ✓ Căn cứ Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại số Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.084.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường Cấp lần 5 ngày 11/01/2022;
- ✓ Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 1200568151 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Công Ty Cổ Phần Bao Bì Tiền Giang;
- ✓ Căn cứ vào nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 02 tháng 03 năm 2024, tại Văn phòng Đại Diện Công Ty CP Công Nghệ Môi Trường Trái Đất Xanh, chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG

Địa chỉ : Khu Phố Trung Lương, QL1A, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang

Điện thoại : 027 3385 5684

Mã số thuế : 1200568151

Đại diện : Ông HOÀNG ANH TÚ Chức vụ: Tổng Giám Đốc

BÊN B : CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TRÁI ĐẤT XANH

Địa chỉ XHĐ : Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, KCN Xuyên Á, Ấp Tràm Lạc, Xã Mỹ Hạnh Bắc, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

Địa chỉ gửi thư: B3/21 Ấp 2, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 0272. 3758858 – 0942 195 533

Mã số thuế : 11 01 40 42 58

Tài khoản số : 0002 1000 1133 0004 Tại Ngân Hàng TMCP Phương Đông (OCB) - Chi Nhánh Phú Lâm

Đại diện : Ông PHẠM VĂN HÙNG Chức vụ: Giám Đốc

Hai Bên đã thảo luận và nhất trí ký Hợp đồng cung ứng dịch vụ về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (sau đây được gọi là “Hợp đồng”) với các điều khoản và điều kiện như sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG.

Theo yêu cầu của Bên A, Bên B đồng ý đảm nhiệm việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH) mà Bên B được phép vận chuyển trong Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại số 1-2-3-4-5-6.084.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường Cấp lần 5 ngày 11/01/2022.

1.1. Thời gian, địa điểm thu gom và xử lý chất thải nguy hại:

- Tần suất vận chuyển: 01 lần/ năm.
 - Bên A thông báo cho Bên B bằng văn bản hoặc email về thời gian thu gom trước ít nhất 02 ngày làm việc qua thông tin:
 - + (Ms) Thảo Trang: 0942 315 533
 - + E-mail: cskh2@moitruonganhduong.vn
 - Thời gian cụ thể sẽ được Bên B thông báo lại cho Bên A sau khi Bên B sắp xếp được thời gian nhưng không quá 48 (Bốn mươi tám) giờ.
 - Thời hạn hợp đồng: **1 năm kể từ ngày ký.**
 - Địa điểm thu gom chất thải nguy hại: Khu Phố Trung Lương, QL1A, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.
- 1.2. Địa điểm xử lý:** Công Ty CP Công Nghệ Môi Trường Trái Đất Xanh - Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, KCN Xuyên Á, Ấp Tràm Lọc, Xã Mỹ Hạnh Bắc, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

ĐIỀU 2. ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

2.1. Đơn giá hợp đồng khoán:

TT	NỘI DUNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
01	Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại	VNĐ	8.500.000	8.500.000
02	Thuế VAT	8%		680.000
03	Tổng cộng			9.180.000

Bảng chú: Chín triệu một trăm tám mươi ngàn Việt Nam Đồng.

- Giá trị Hợp đồng sẽ áp dụng với thuế suất giá trị gia tăng hiện hành. Trong trường hợp thuế suất giá trị gia tăng thay đổi theo quy định của Chính phủ thì giá trị Hợp đồng sẽ điều chỉnh theo thuế suất tương ứng theo quy định.
- Đơn giá khoán nêu trên áp dụng cho việc thu gom 01 lần/ năm.
- Nếu tổng khối lượng chất thải bàn giao trong 1 năm (01 lần) ≤ 1.000 Kg thì sẽ được vận chuyển và xử lý 01 lần với giá khoán như trên.
- Trường hợp phát sinh: Nếu khối lượng chất thải bàn giao > 1.000 Kg, thì chi phí xử lý chất thải phát sinh thêm được tính theo đơn giá cụ thể như Bảng 01 (Danh sách các loại CTNH cần xử lý và đơn giá).

Chi phí xử lý chất thải phát sinh = Khối lượng CTNH (theo mã) \times đơn giá

- Chi phí vận chuyển phát sinh từ chuyến thứ 02 (hai) trở đi (nếu có): **3.500.000VNĐ/Chuyến** (Ba triệu năm trăm ngàn Việt Nam đồng trên một chuyến vận chuyển) (chưa bao gồm VAT 8%).

Bảng 01: Danh sách các loại CTNH cần xử lý và đơn giá xử lý phát sinh (nếu có)

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại Rắn/Lỏng/Bùn	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá (VNđ/Kg)
1.1	Mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn/Lỏng	08 02 01	Kg	8.000
1.2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	Kg	8.000
1.3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	Kg	8.000

1.4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	Kg	8.000
1.5	Chất hấp thụ vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Kg	8.000
1.6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	Kg	8.000
1.7	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	Rắn	18 01 04	Kg	8.000
1.8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	Kg	8.000
1.9	Ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	Kg	8.000



Ghi chú:

- Đơn giá xử lý trên chưa bao gồm 8% thuế VAT.
- Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.
- Đơn giá trên sẽ thay đổi khi có quy định mới liên quan của các cơ quan chính quyền hoặc có sự thỏa thuận bằng văn bản trên cơ sở pháp lý giữa hai Bên.
- Danh mục chất thải trên cũng là danh mục chất thải Bên B vận chuyển và xử lý cho Bên A.

2.2. Phương thức nghiệm thu, thanh toán:

Thông tin viết hóa đơn:

- Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG**
- Địa chỉ: Khu Phố Trung Lương, QL1A, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang
- Mã số thuế: 1200568151

Hình thức thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B 5.000.000 VNĐ (Năm triệu Việt Nam đồng) tiền đảm bảo thực hiện hợp đồng ngay khi ký kết hợp đồng. Số tiền này được cần trừ vào lần thanh toán cuối sau khi trừ hết các chi phí phát sinh.

Bên A thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng bao gồm thuế giá trị gia tăng cho Bên B sau chuyển thu gom và nhận được hồ sơ thanh toán.

Hồ sơ thanh toán bao gồm: Hợp đồng 2 chữ ký, Hóa đơn tài chính hợp lệ.

Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B trong vòng 07 (bảy) ngày bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản: **CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TRÁI ĐẤT XANH - 0002 1000 1133 0004** Tại Ngân Hàng TMCP Phương Đông (OCB) - Chi Nhánh Phú Lâm.

ĐIỀU 3. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Trách nhiệm của Bên A:

3.1.1 Theo Quy định về trách nhiệm của chủ nguồn thải tại thông tư 02/2022/TT-BTNMT: khi chuyển giao CTNH phải đính kèm các chứng từ chuyển giao, chứng từ chuyển giao phải ghi rõ ràng đầy đủ thông tin có ký tên và đóng dấu của Bên A. Xác nhận số lượng, khối lượng chất thải vận chuyển bằng cách ký vào chứng từ giao nhận CTNH và biên bản giao nhận của Bên B.

3.1.2 Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp Luật về các loại CTNH giao cho Bên B để xử lý. CTNH này phải đúng với tên gọi và mã CTNH đã nêu ở Mục 2.1.

- 3.1.3 Bên A có trách nhiệm bố trí phương tiện và thiết bị để xếp các thùng chất thải nguy hại lên phương tiện của Bên B tại địa điểm thu gom.
- 3.1.4 Chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên B đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.
- 3.1.5 Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty.
- 3.1.6 Toàn bộ chất thải của Bên A phải được thu gom, phân loại chất thải theo từng loại riêng biệt và có nhãn chất thải: chất thải rắn chứa vào bao PE, chất thải lỏng chứa vào thùng có nắp đậy kín và lưu trữ tại một khu vực riêng biệt, cố định đảm bảo không để rơi vãi, rò rỉ ra bên ngoài, có dán tên, mã số CTNH và không được để lẫn các CTNH khác ngoài danh mục hợp đồng để thuận tiện khi Bên B đến thu gom chất thải. Nơi lưu giữ CTNH phải thuận tiện cho xe ra vào lấy.

3.2. Trách nhiệm của Bên B:

- 3.2.1 Bên B tự chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.
- 3.2.2 Vận chuyển, xử lý CTNH cho Bên A theo danh mục, khối lượng, thời gian và địa điểm đã thỏa thuận trong nội dung hợp đồng.
- 3.2.3 Trong vòng tối đa 04 (bốn) tuần sau khi nhận chất thải và chứng từ xử lý Bên A đã ký trước phải giao trả cho Bên A chứng từ CTNH đã xử lý.
- 3.2.4 Trong trường hợp xe hư hỏng Bên B sẽ sắp xếp (bố trí) thay thế phương tiện để thu gom CTNH trong thời gian sớm nhất (48 giờ).
- 3.2.5 Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty.
- 3.2.6 Bên B không nhận xử lý và không chịu trách nhiệm khi Bên A giao các loại CTNH không có Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại số 1-2-3-4-5-6.084.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường Cấp lần 5 ngày 11/01/2022.
- 3.2.7 Cán bộ, nhân viên của Bên B khi ra vào làm việc tại khu vực của Bên A phải chấp hành nội quy nơi làm việc, thực hiện theo đúng hệ thống quản lý an toàn và bảo vệ môi trường của Bên A để đảm bảo trật tự an toàn cho nơi làm việc của Bên A; nhân viên của Bên B phải tuyệt đối chấp hành mọi chỉ dẫn của người đại diện Bên A về việc đi lại, vị trí thu gom chất thải.
- 3.2.8 Tất cả các xe vận chuyển chất thải của Bên B phải là xe chuyên dụng để tránh rơi vãi chất độc hại ra môi trường trong quá trình vận chuyển.

ĐIỀU 4. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1. Hai Bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp gặp khó khăn trở ngại, hai Bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi để đi tới thống nhất bằng văn bản và văn bản này được coi là một điều khoản của hợp đồng. Mọi sửa đổi hoặc bổ sung hợp đồng chỉ có giá trị khi được lập bằng văn bản và có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của hai Bên.
- 4.2. Bên nào vi phạm các điều khoản trên đây, không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng mà không có lý do chính đáng, sẽ bị phạt với mức phạt cụ thể dựa trên khung phạt Nhà nước quy định trong các văn bản pháp luật về hợp đồng. Mọi tranh chấp xảy ra nếu không cùng nhau thương lượng giải quyết được sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh phân xử, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án là quyết định cuối cùng để hai Bên cùng tuân thủ. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và lệ phí toà án do Bên có lỗi chịu.
- 4.3. Các Bên có quyền chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn. Trong trường hợp một trong hai Bên muốn chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày, trong đó nêu ra lý do.
- 4.4. Khi hiệu lực của Hợp đồng kết thúc và khi các Bên đã thực hiện đầy đủ các cam kết như đã thỏa thuận thì Hợp đồng coi như đã được thanh lý.

- 4.5. Những gì không được quy định trong Hợp đồng này, hai Bên sẽ tuân thủ theo pháp luật hiện hành của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 4.6. Hợp đồng này được lập thành 05 (năm) bản và có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 03 (ba) bản để làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Tổng Giám Đốc *Handwritten signature*

Handwritten signature

Hoàng Anh Tú

ĐẠI DIỆN BÊN B



Phạm Văn Hùng



TỈNH/THÀNH PHỐ

Tỉnh Tiền Giang

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số 1660.../2024/1-2-3-4-5-6.084.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TRÁI ĐẤT XANH

Mã số QLCTNH : 1-2-3-4-5-6.084.VX

Địa chỉ văn phòng : Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, KCN Xuyên Á, Ấp Tràm Lạc, X. Mỹ Hạnh Bắc, H. Đức Hòa, T. Long ĐT : 0272. 3758858

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, KCN Xuyên Á, Ấp Tràm Lạc, X. Mỹ Hạnh Bắc, H. Đức Hòa, T. Long ĐT : 0272. 3758858

2. Chủ CS DV XL CTNH 2

Mã số QLCTNH :

Địa chỉ văn phòng:

ĐT :

Địa chỉ cơ sở:

ĐT :

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG

Mã số QLCTNH : 82.000405.T

Địa chỉ văn phòng: Khu Phố Trung Lương, QL1A, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang

ĐT : 027 3385 5684

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố Trung Lương, QL1A, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang

ĐT : 027 3385 5684

4. Kê khai CTNH chuyên giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Mực in thải có các thành phần nguy hại	X	X		08 02 01	53	TĐ-HR
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	X			08 02 04	76	TĐ-HR
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	X			16 01 06		Nghiên,TC-HR
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		X		17 02 03		
5	Chất hấp thụ vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giặt lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	X			18 02 01	949	TĐ-HR
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	X			18 01 01		TĐ-HR
7	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	X			18 01 04		TĐ-HR/TC-TĐ-HR
8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	X			18 01 03		TC-TĐ-HR
9	Ấc quy chì thải	X			19 06 01		PT, Súc rửa-TC-TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nước nhập khẩu : Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện :

Ngày xuất cảng : Cửa khẩu xuất :

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: 62C-04230

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ông Nguyễn Hoài Phong Ký: Ngày: 27/05/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Tiền Giang, ngày 27 tháng 05 năm 2024

Tổng Giám Đốc

(Chữ ký, đóng dấu)



Hoàng Anh Tú

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 5

Long An, ngày 29 tháng 05 năm 2024

Tổng Giám Đốc

(Chữ ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Huy Lực

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

HỢP ĐỒNG

Số: 320/2019/HĐVSK

Dịch vụ: Thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH 13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015.

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào nhu cầu của Công ty cổ phần bao bì Tiền Giang và khả năng thực hiện của Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Mỹ Tho.

Hôm nay, ngày 22 tháng 07 năm 2019, tại Văn phòng Công ty TNHH Một Thành Viên Công trình Đô thị Mỹ Tho, chúng tôi gồm có:

1. ĐẠI DIỆN BÊN A: Công ty cổ phần bao bì Tiền Giang

- Ông/Bà : *Võ Khanh Tông*
- Chức vụ : *Giám đốc*
- Địa chỉ : Khu Phố Trung Lương, P.10, Tp.Mỹ Tho, Tiền Giang
- Mã số thuế : 1200568151
- Điện thoại : 02733 867 887

2. ĐẠI DIỆN BÊN B: Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Mỹ Tho

- Ông : **Lê Minh Sáng**
- Chức vụ : **Giám đốc**
- Địa chỉ : Số 12, Huỳnh Tịnh Của, P.7, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang
- Điện thoại : 02733 884 206
- Mã số thuế : 1200 357 376
- Số tài khoản : 71010000001257 tại NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang

Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng với những điều khoản sau:

ĐIỀU I: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- Bên A thuê bên B thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Công ty cổ phần bao bì Tiền Giang - địa chỉ: Khu Phố Trung Lương, P.10, Tp.Mỹ Tho, Tiền Giang.
- Chất thải rắn sinh hoạt không lẫn đất, đá, các thành phần chất thải công nghiệp, chất thải xây dựng và chất thải nguy hại.
- Bên B thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo yêu cầu của bên A bằng phương tiện xe chuyên dụng.

ĐIỀU II: KHỐI LƯỢNG HỢP ĐỒNG

- Bên A và bên B thỏa thuận thống nhất khoán khối lượng chất thải rắn sinh hoạt trung bình mỗi tháng khoảng 4,714 tấn/tháng để làm cơ sở thanh toán.

ĐIỀU III: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- Đơn giá thu gom, vận chuyển là: 182.000 đồng/tấn.

- Căn cứ đơn giá trên và khối lượng tại điều II, giá trị hợp đồng được tính như sau:
4,714 tấn/tháng x 182.000 đồng/tấn = 857.948 đồng/tháng. Làm tròn: 858.000 đồng/tháng
- Bằng chữ: Tám trăm năm mươi tám ngàn đồng
- Giá trên đã bao gồm VAT 10%.
- Giá trị hợp đồng trong quá trình thực hiện nếu bên A có yêu cầu làm thêm hoặc thay đổi đơn giá tăng, giảm (do biến động giá cả thị trường vật tư, lương tối thiểu.....) thì bên A và B căn cứ vào thông báo của bên B được hai bên thống nhất để làm cơ sở thanh toán.

ĐIỀU IV: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Bên A thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản các chi phí thu gom, vận chuyển rác cho bên B sau khi bên A nhận được hóa đơn từ bên B trong thời gian 07 ngày.
- Bên B sẽ cấp hóa đơn cho bên A theo qui định hiện hành của Bộ tài chính.

ĐIỀU V: THỜI GIAN HỢP ĐỒNG

- Thời gian hợp đồng là từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến khi một trong hai bên thông báo chấm dứt hợp đồng.

ĐIỀU VI: TRÁCH NHIỆM MỖI BÊN

❖ Trách nhiệm bên A:

- Trang bị thùng đựng rác chuyên dụng.
- Đưa rác đến nơi tập kết rác, tạo điều kiện thuận lợi cho bên B nhận rác.
- Đảm bảo thanh toán chi phí cho bên B sau khi nhận hóa đơn của bên B. Trường hợp quá 15 ngày sau khi bên A nhận hóa đơn của bên B mà không thanh toán cho bên B thì bên B có quyền ngưng lấy rác cho bên A.

❖ Trách nhiệm bên B:

- Lấy rác theo thỏa thuận của 02 bên.
- Xuất hóa đơn GTGT theo quy định hiện hành.

ĐIỀU VII: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hai bên A và B cam kết thi hành đúng những nội dung thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng này, bên nào sai trái thì bên đó hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Nhà nước.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu gặp khó khăn, trở ngại thì hai bên thông báo cho nhau biết để kịp thời giải quyết thỏa đáng.

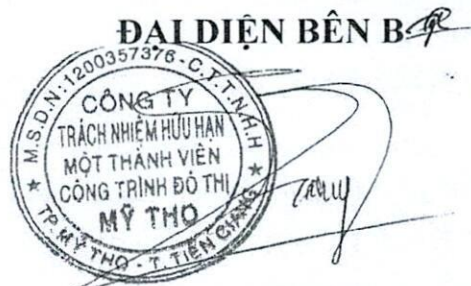
Những ý kiến thống nhất về việc bổ sung, sửa đổi hợp đồng phải được hai bên lập thành văn bản.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và mặc nhiên được thanh lý khi hai bên hoàn thành nghĩa vụ theo các điều khoản đã nêu trong hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 05 bản như nhau. Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 03 bản để cùng thực hiện.



Võ Thanh Long



Lê Minh Sáng



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 07509/2024/PKQ (24.7321)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: Công ty Cổ phần bao bì Tiền Giang - Khu phố Trung Lương, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
3. Loại mẫu/ Type of sample: Đất
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
24.7321.Đ.01	Mẫu đất trong khu đất thực hiện dự án	X=1148265, Y=0564049

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 31/10/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 11/11/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 03:2023/BTNMT
				24.7321.Đ.01	Loại 3 ⁽¹⁾
1	Cu ^(a,b)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	23,2	2.000
2	Zn ^(a,b)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	45,9	2.000
3	Cr ^(a,b)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	6,4	250
4	Cd ^(a,b)	mg/kg	TCVN 6496:2009 + SMEWW 3111B:2017	<0,9	60
5	Pb ^(a,b)	mg/kg	TCVN 6496:2009 + SMEWW 3111B:2017	12,7	700

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ *The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.*
3. (1): Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng đất

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

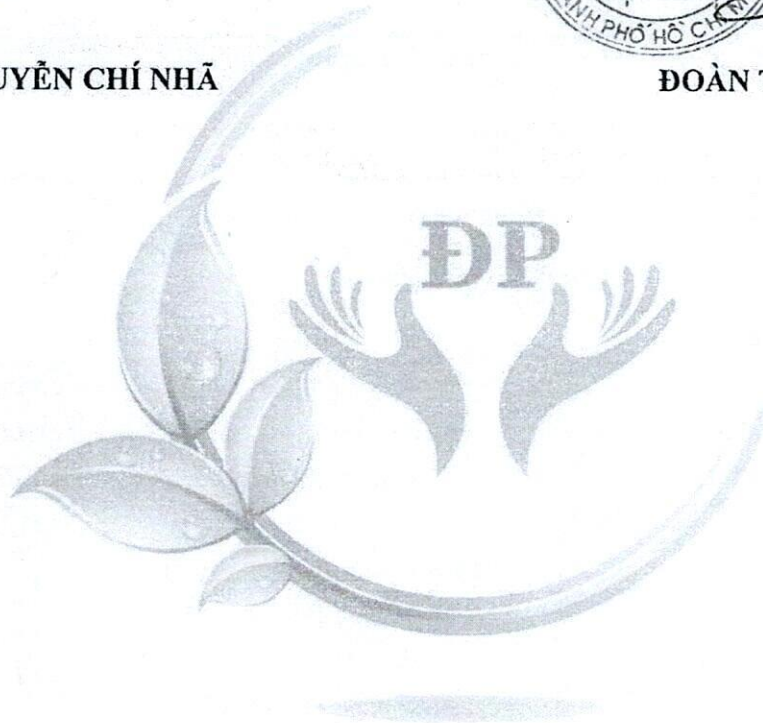
TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY





Mã số/ Ref. No: 07508/2024/PKQ (24.7321)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: Công ty Cổ phần bao bì Tiền Giang - Khu phố Trung Lương, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
3. Loại mẫu/ Type of sample: Không khí xung quanh
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
24.7321.K.02	Mẫu khí tại khu đất thực hiện dự án	X=1148244, Y=0564080

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 31/10/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 11/11/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN không khí xung quanh
				24.7321.K.02	Trung bình 1 giờ ⁽¹⁾
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	134	300 ⁽²⁾
2	NO ₂ ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	62	200 ⁽²⁾
3	SO ₂ ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	50	350 ⁽²⁾
4	CO ^(a)	µg/Nm ³	SOP-H16	< 9.000	30.000 ⁽²⁾

Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
- (1): Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ.
- (2): QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



Mã số/ Ref. No: 07511/2024/PKQ (24.7323)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: Công ty Cổ phần bao bì Tiền Giang - Khu phố Trung Lương, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
3. Loại mẫu/ Type of sample: Đất
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
24.7323.Đ.01	Mẫu đất trong khu đất thực hiện dự án	X=1148265, Y=0564049

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 01/11/2024
6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 12/11/2024
7. Bảng kết quả/ Results table

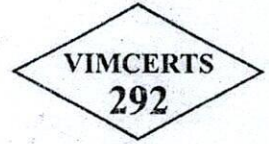
STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN
				24.7323.Đ.01	03:2023/BTNMT
1	Cu ^(a,b)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	24	Loại 3 ⁽¹⁾ 2.000
2	Zn ^(a,b)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	49,8	2.000
3	Cr ^(a,b)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	6,4	250
4	Cd ^(a,b)	mg/kg	TCVN 6496:2009 + SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,27)	60
5	Pb ^(a,b)	mg/kg	TCVN 6496:2009 + SMEWW 3111B:2017	21,1	700

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ *The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.*
3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ *Not detected*
4. (1): Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng đất

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

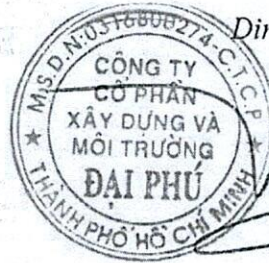
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

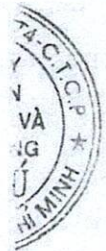
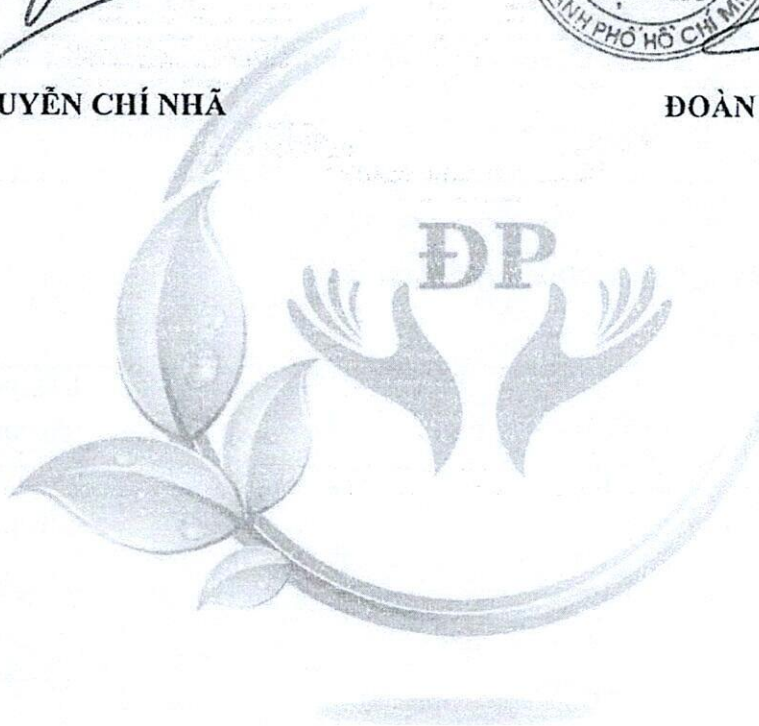
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 11 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY





Mã số/ Ref. No: 07510/2024/PKQ (24.7323)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: Công ty Cổ phần bao bì Tiền Giang - Khu phố Trung Lương, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
3. Loại mẫu/ Type of sample: Không khí xung quanh
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
24.7323.K.02	Mẫu khí tại khu đất thực hiện dự án	X=1148244, Y=0564080

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 01/11/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 12/11/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN không khí xung quanh
				24.7323.K.02	Trung bình 1 giờ ⁽¹⁾
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	131	300 ⁽²⁾
2	NO ₂ ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	62	200 ⁽²⁾
3	SO ₂ ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	61	350 ⁽²⁾
4	CO ^(a)	µg/Nm ³	SOP-H16	< 9.000	30.000 ⁽²⁾

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (1): Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ.
3. (2): QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 11 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



Mã số/ Ref. No: 07513/2024/PKQ (24.7326)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: Công ty Cổ phần bao bì Tiền Giang - Khu phố Trung Lương, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
3. Loại mẫu/ Type of sample: Đất
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
24.7326.Đ.01	Mẫu đất trong khu đất thực hiện dự án	X=1148265, Y=0564049

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 02/11/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 13/11/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 03:2023/BTNMT
				24.7326.Đ.01	Loại 3 ⁽¹⁾
1	Cu ^(a,b)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	26,1	2.000
2	Zn ^(a,b)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	43,5	2.000
3	Cr ^(a,b)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	7,6	250
4	Cd ^(a,b)	mg/kg	TCVN 6496:2009 + SMEWW 3111B:2017	<0,9	60
5	Pb ^(a,b)	mg/kg	TCVN 6496:2009 + SMEWW 3111B:2017	22,9	700





CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
3. (1): Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng đất

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

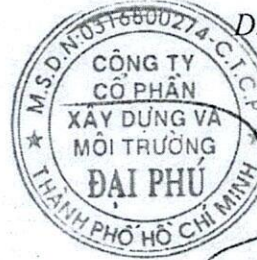
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

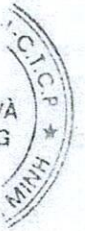
TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY





CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

VIMCERTS
292

Mã số/ Ref. No: 07512/2024/PKQ (24.7326)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: Công ty Cổ phần bao bì Tiền Giang - Khu phố Trung Lương, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
3. Loại mẫu/ Type of sample: Không khí xung quanh
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
24.7326.K.02	Mẫu khí tại khu đất thực hiện dự án	X=1148244, Y=0564080

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 02/11/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 13/11/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN không khí xung quanh
				24.7326.K.02	Trung bình 1 giờ ⁽¹⁾
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(a)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	137	300 ⁽²⁾
2	NO ₂ ^(a)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137:2009	59	200 ⁽²⁾
3	SO ₂ ^(a)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5971:1995	58	350 ⁽²⁾
4	CO ^(a)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	SOP-H16	< 9.000	30.000 ⁽²⁾

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (1): Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ.
3. (2): QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Director

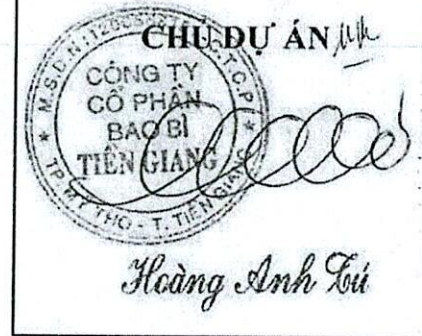
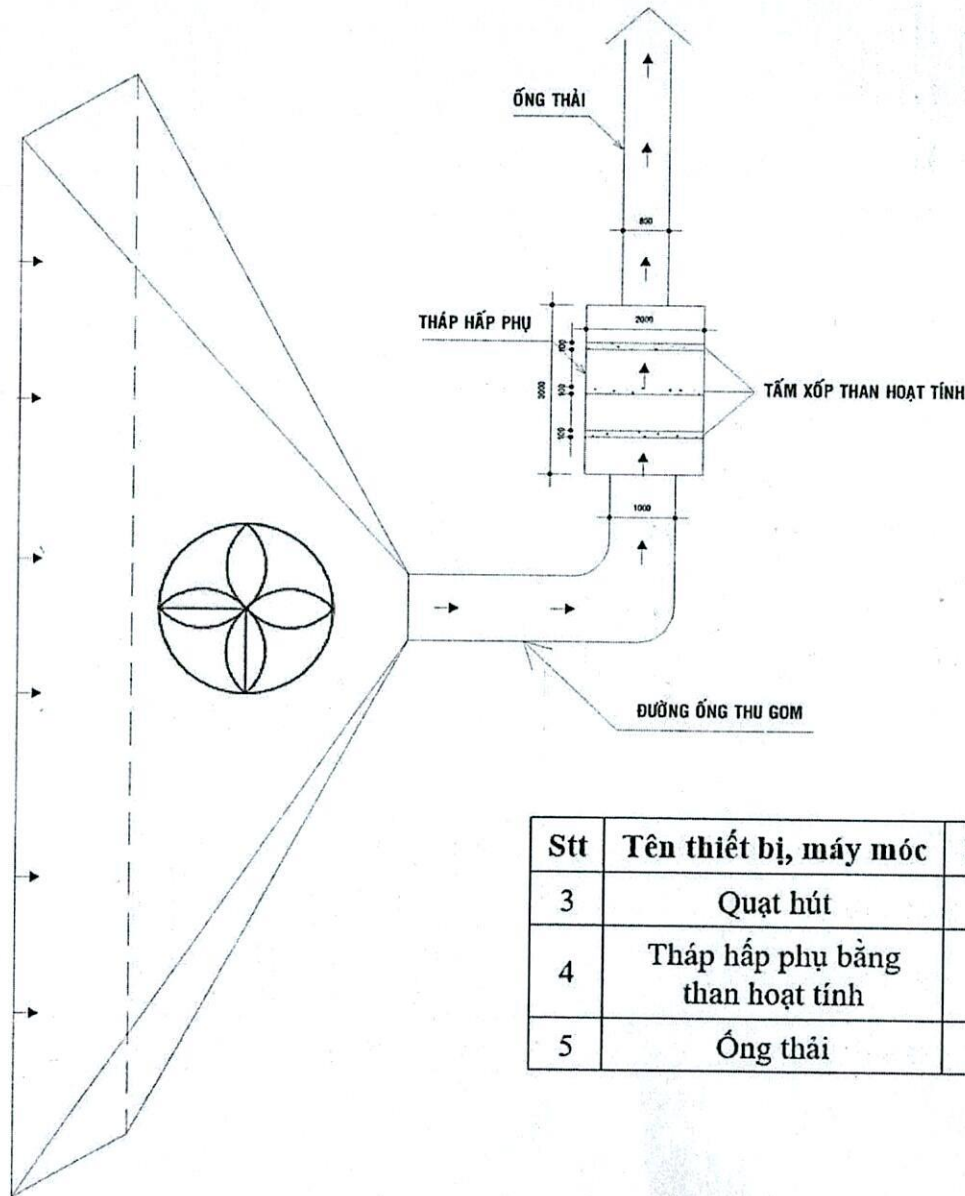


ĐOÀN THỊ THỦY

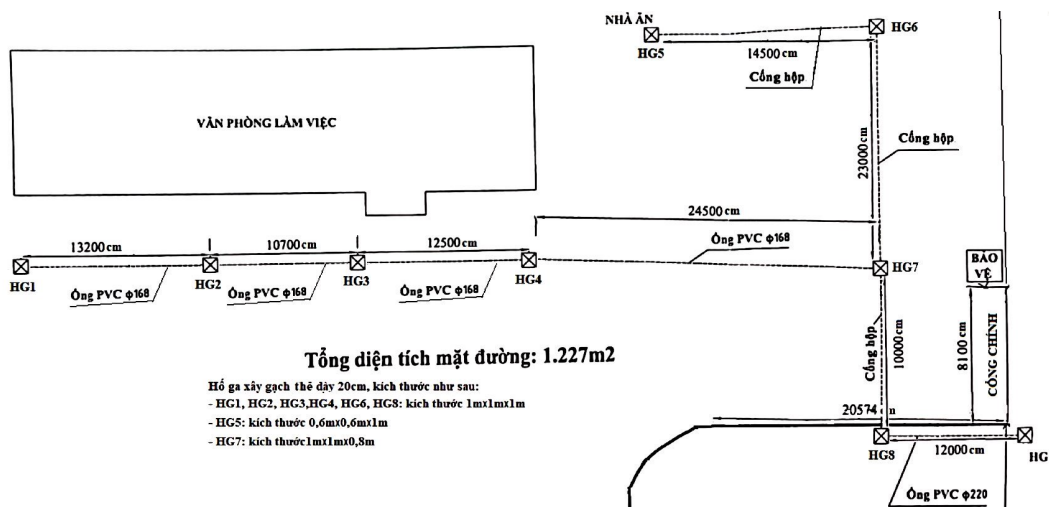
1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

BẢN VẼ THIẾT KẾ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

KHU VỰC PHÁT SINH KHÍ THẢI

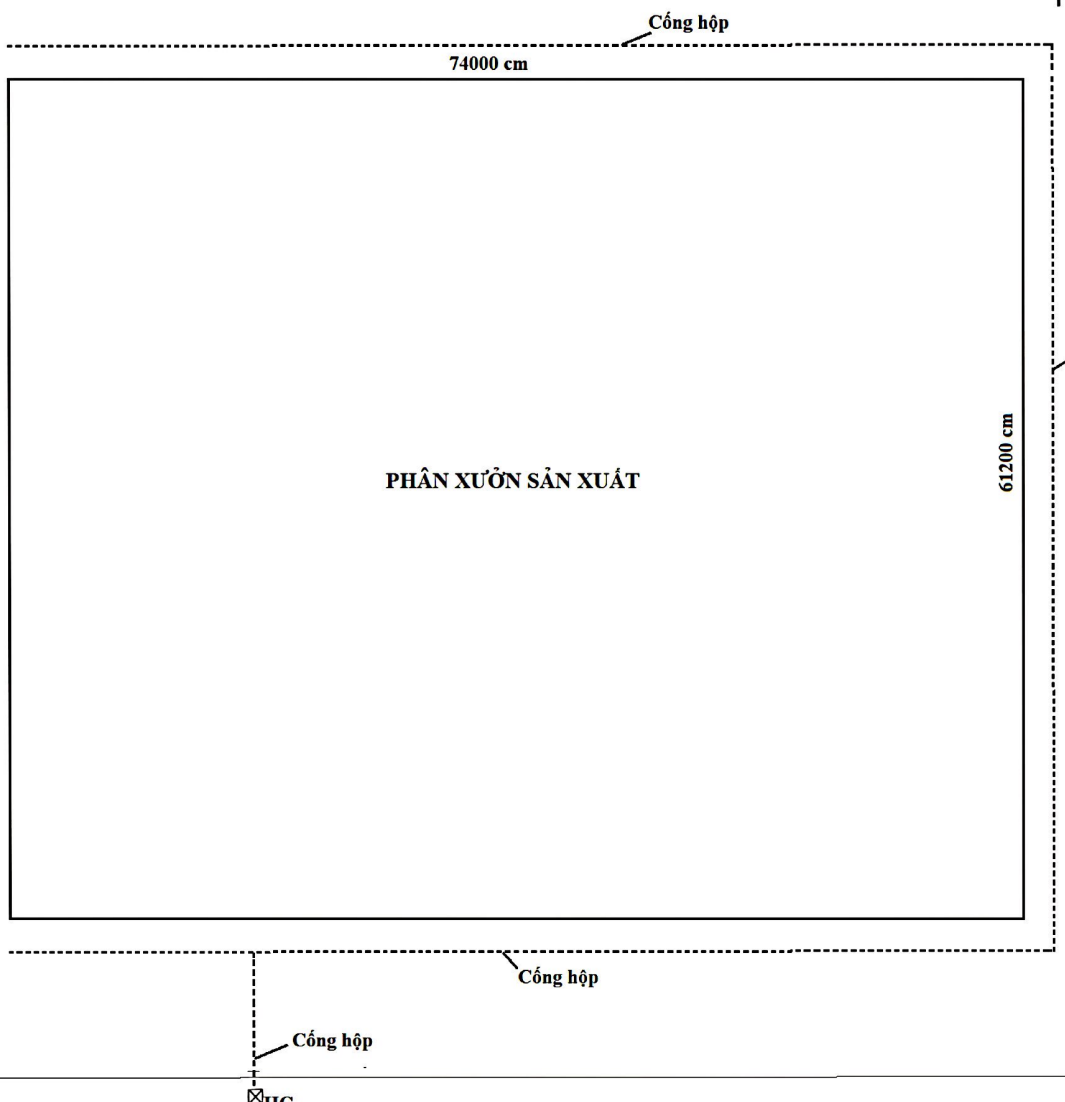


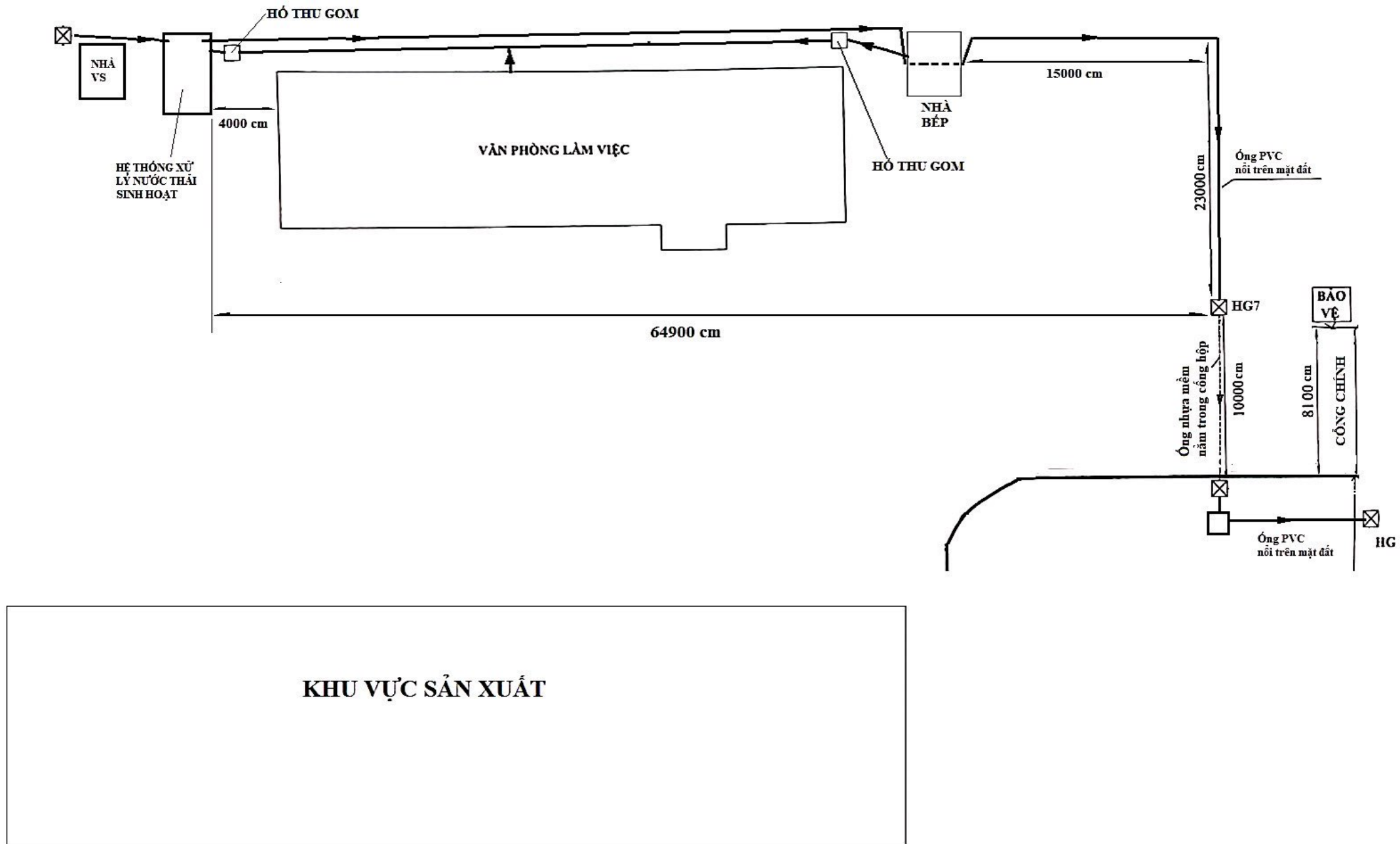
Stt	Tên thiết bị, máy móc	Số lượng	Thông số kỹ thuật
3	Quạt hút	01 cái	1kWh, lưu lượng 5.000m ³ /giờ
4	Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính	01 cái	Vật liệu nhựa kích thước 0,2m ³
5	Ống thải	01 cái	Ø49mm, cao 4m



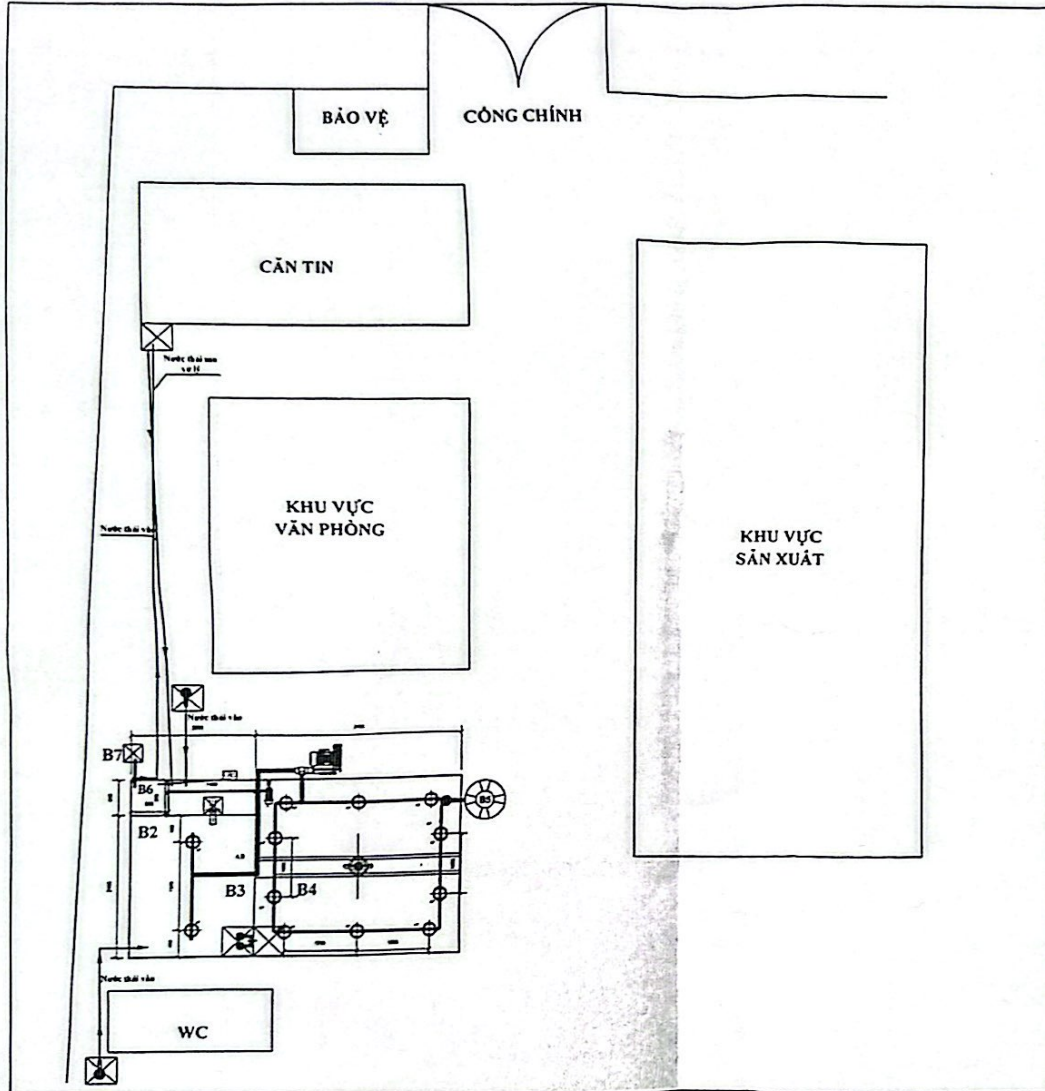
Tổng diện tích mặt đường: 1.227m²

- Hố ga xây gạch thẻ dày 20cm, kích thước như sau:
- HG1, HG2, HG3, HG4, HG6, HG8: kích thước 1m x 1m x 1m
 - HG5: kích thước 0,6m x 0,6m x 1m
 - HG7: kích thước 1m x 1m x 0,8m





MẶT BẰNG BỐ TRÍ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



CHÚ THÍCH

B1	BỂ THU	B6	BỒN ZONE HÓA	OE	THIẾT BỊ OZONE
B2	BỂ TÁCH DẦU	AP	ĐĨA PHÂN PHỐI KHÍ	B7	HỘ GA LẤY MẪU
B3	BỂ ĐIỀU HÒA	P	BƠM	KT	MÔ TƠ-CÁNH KHUẤY
B4	BỂ SBR	AB	MÁY THỜI KHÍ		
B5	BỂ CHỨA BÙN	CP	BƠM ĐỊNH LƯỢNG		

CHỦ ĐẦU TƯ

CTY CP BAO BÌ TIỀN GIANG

Địa chỉ: Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP Mỹ Tho, Tiền Giang

CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XLNT

CTY CP BAO BÌ TIỀN GIANG

Địa chỉ: Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP Mỹ Tho, Tiền Giang

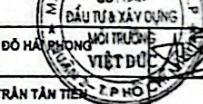
ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỨC

Địa chỉ: Số 150, Đường Trưng Trắc, Phường An Phú,

Điện thoại: 08 2437 2950 Fax: 08 2237 2950

Website: motruongvietduc.vn



GIÁM ĐỐC: ĐO HÀ PHONG
DIRECTOR

THIẾT KẾ: TRẦN TÂN TIẾN
DESIGNED

VẼ: TRẦN TÂN TIẾN
DRAWN

KIỂM TRA: HÀ VĂN LỘC
APPROVED

HẠNG MỤC/ITEM

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT, CÔNG SUẤT
15 M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG BỐ TRÍ HỆ THỐNG XỬ
LÝ NƯỚC THẢI

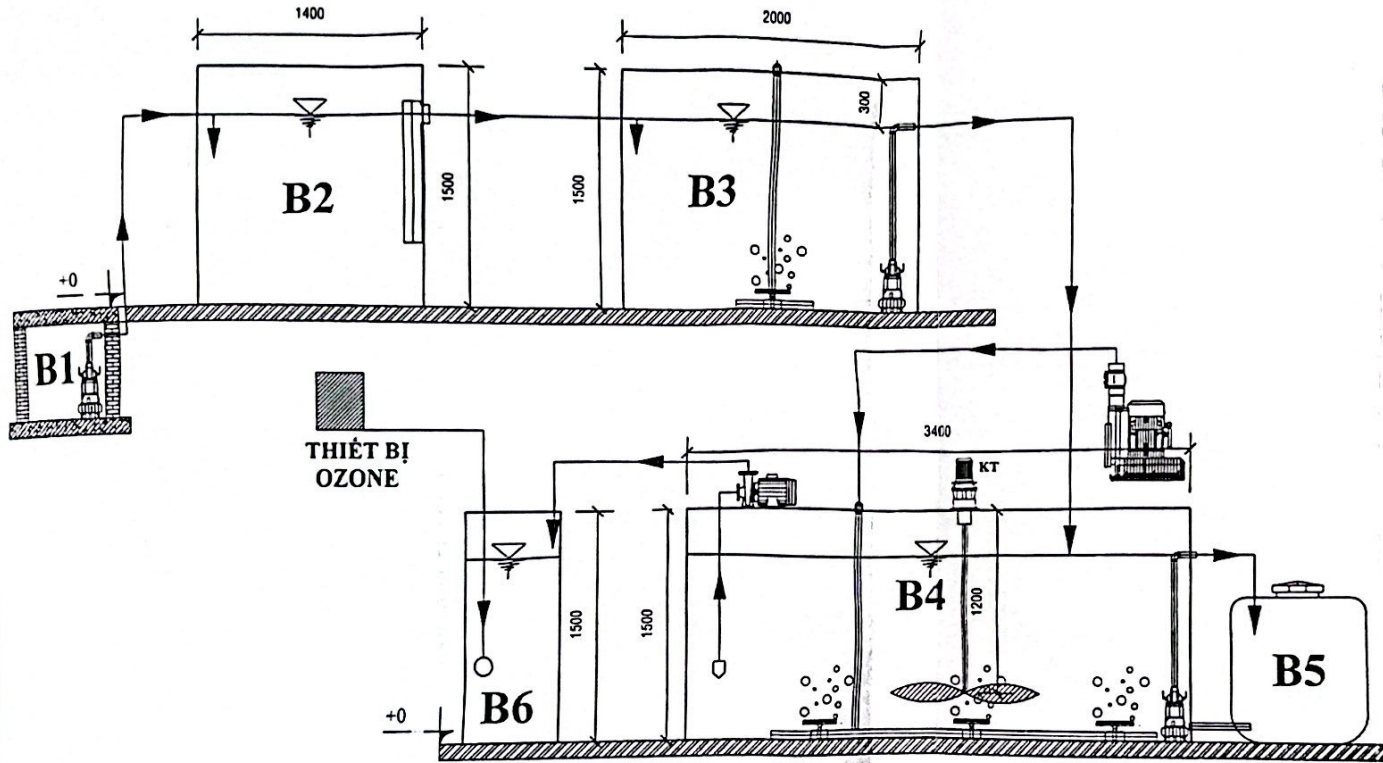
TỶ LỆ
SCALE

BẢN VẼ SỐ: 01
DRAWING NO.

NGÀY VẼ
DATE

MÃ DỰ ÁN
PROJECT NO.

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI



CHÚ THÍCH

B1	BỂ THU	B6	BỒN ZONE HÓA	OE	THIẾT BỊ OZONE
B2	BỂ TÁCH DẦU	AP	ĐĨA PHÂN PHỐI KHÍ	B7	HIỆU GA LẤY MẪU
B3	BỂ ĐIỀU HÒA	P	BƠM	KT	MÔ TƠ-CẢNH KỊUẢY
B4	BỂ SBR	AB	MÁY THỔI KHÍ		
B5	BỂ CHỨA BÙN	CP	BƠM ĐỊNH LƯỢNG		

CHỦ ĐẦU TƯ

CTY CP BAO BÌ TIỀN GIANG
Địa chỉ: Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP Mỹ Tho, Tiền Giang

CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XLNT
CTY CP BAO BÌ TIỀN GIANG
Địa Chỉ: Khu phố Trung Lương, Phường 10,
TP Mỹ Tho, Tiền Giang

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY
DỰNG MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỨC
Địa chỉ: Số 150, Đường Trần Hưng Đạo, Phường An Phú,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04 2287 2350, Fax: 04 2287 2050
Website: www.vietduc.com.vn

GIÁM ĐỐC: ĐỖ HỮU THỌ
DIRECTOR

THIẾT KẾ: TRẦN TÂN TIẾN
DESIGNED

VẼ: TRẦN TÂN TIẾN
DRAWN

KIỂM TRA: HÀ VĂN LỘC
APPROVED

HẠNG MỤC/ITEM

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT, CÔNG SUẤT
15 M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC
THẢI

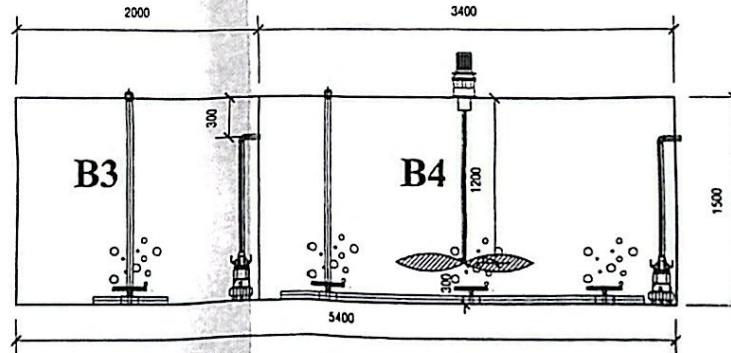
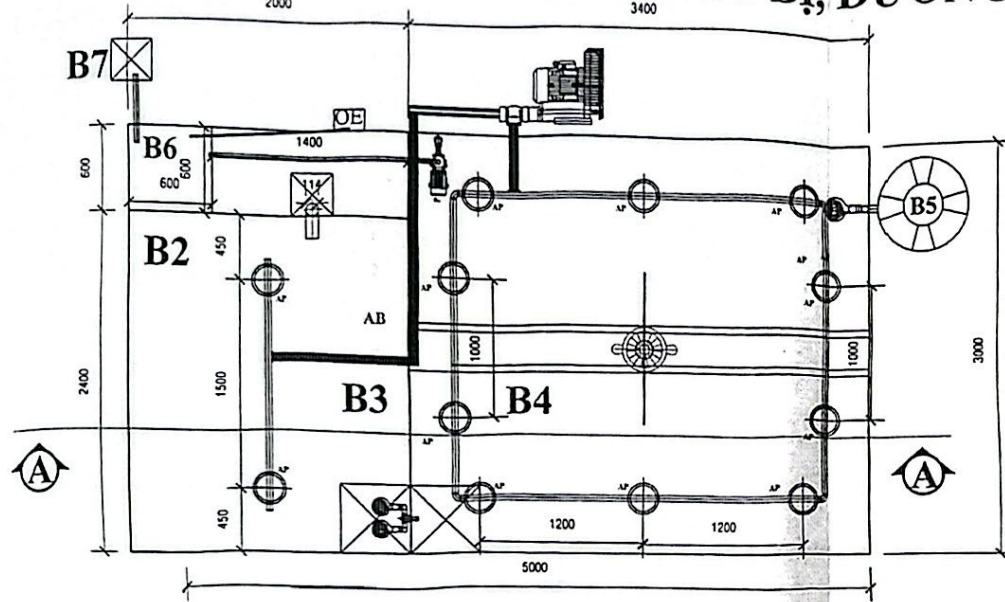
TỶ LỆ
SCALE

BẢN VẼ SỐ 02
DRAWING NO

NGÀY VẼ
DATE

MÃ DỰ ÁN
PROJECT NO

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ, ĐƯỜNG ỐNG



MẶT CẮT A-A

CHÚ THÍCH

B1	BỂ THU	B6	BÓN ZONE HÓA	OE	THIẾT BỊ OZONE
B2	BỂ TÁCH DẦU	AP	ĐĨA PHÂN PHỐI KHÍ	B7	HỒ GA LẤY MẪU
B3	BỂ ĐIỀU HÒA	P	BƠM	KT	MÔ TƠ-CÁNII KHUAY
B4	BỂ SBR	AB	MÁY THỔI KHÍ		
B5	BỂ CHỨA BÙN	CP	BƠM ĐỊNH LƯỢNG		

CHỦ ĐẦU TƯ

CTY CP BAO BÌ TIỀN GIANG

Địa chỉ: Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP Mỹ Tho, Tiền Giang

CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XLNT

CTY CP BAO BÌ TIỀN GIANG

Địa chỉ: Khu phố Trung Lương, Phường 10,

TP Mỹ Tho, Tiền Giang

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY

DỰNG MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỨC

Địa chỉ: Số 150, Đường Nguyễn Huệ, Phường An Phú,

Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 62 67 2950 Fax: 08 62 67 2950

Website: www.vietduc.com.vn

GIÁM ĐỐC: ĐỖ HẢI PHONG

DIRECTOR

THIẾT KẾ: TRẦN TÂN TIẾN

DESIGNED

VẼ: TRẦN TÂN TIẾN

DRAWN

KIỂM TRA: HÀ VĂN LỘC

APPROVED

HẠNG MỤC/ITEM

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

SINH HOẠT, CÔNG SUẤT

15 M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ,

ĐƯỜNG ỐNG

TỶ LỆ

SCALE

BẢN VẼ SỐ 03

DRAWING NO

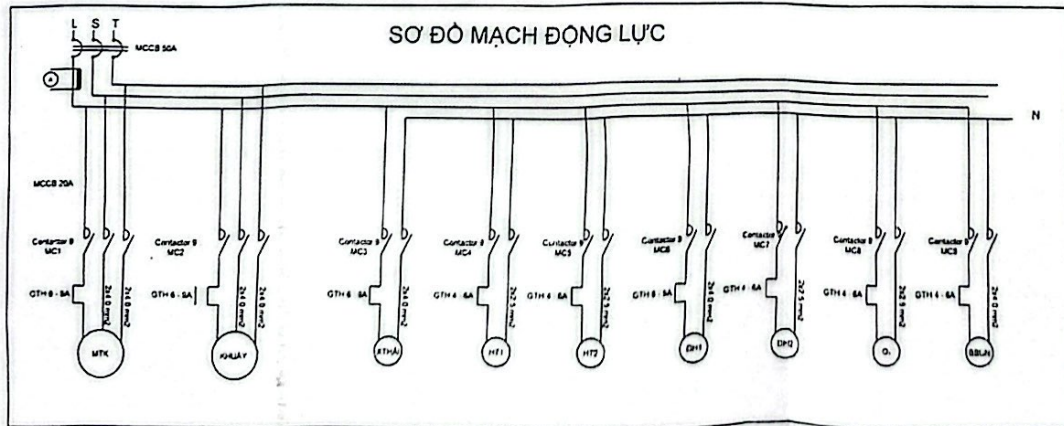
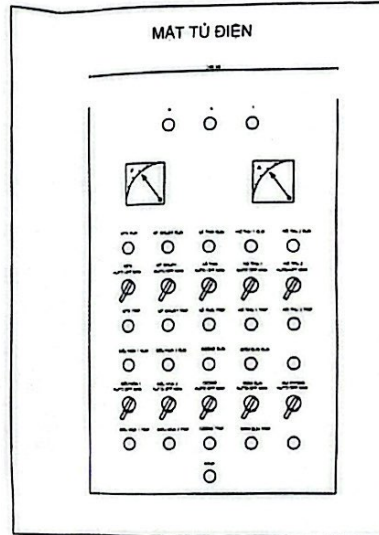
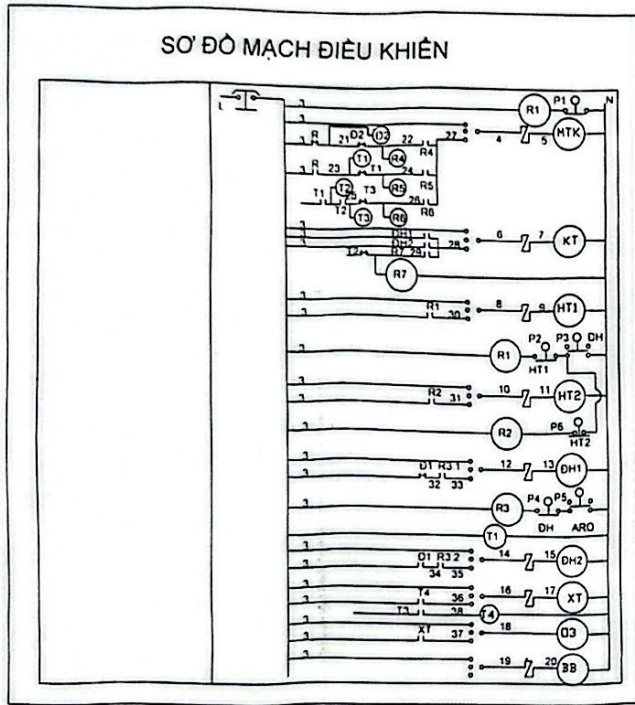
NGÀY VẼ

DATE

MÃ DỰ ÁN

PROJECT NO

BẢN VẼ HỆ THỐNG ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN



CHỦ ĐẦU TƯ
 CTY CP BAO BÌ TIỀN GIANG
 Địa chỉ: Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP Mỹ Tho, Tiền Giang

CÔNG TRÌNH
 HỆ THỐNG XLNT
 CTY CP BAO BÌ TIỀN GIANG
 Địa Chỉ: Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP Mỹ Tho, Tiền Giang

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỨC
 Địa chỉ: Số 150, Đường Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Đống Đa, Hà Nội
 Điện thoại: 024 267 2000 / 024 267 2950
 Website: www.vietduc.com.vn

GIÁM ĐỐC: ĐÓ HẠNG
 DIRECTOR

THIẾT KẾ: TRẦN TÂN TIẾN
 DESIGNED

VẼ: TRẦN TÂN TIẾN
 DRAWN

KIỂM TRA: HÀ VĂN LỘC
 APPROVED

HẠNG MỤC/ITEM
 HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 SINH HOẠT, CÔNG SUẤT
 15 M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ
 TỬ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG
 XỬ LÝ NƯỚC THẢI

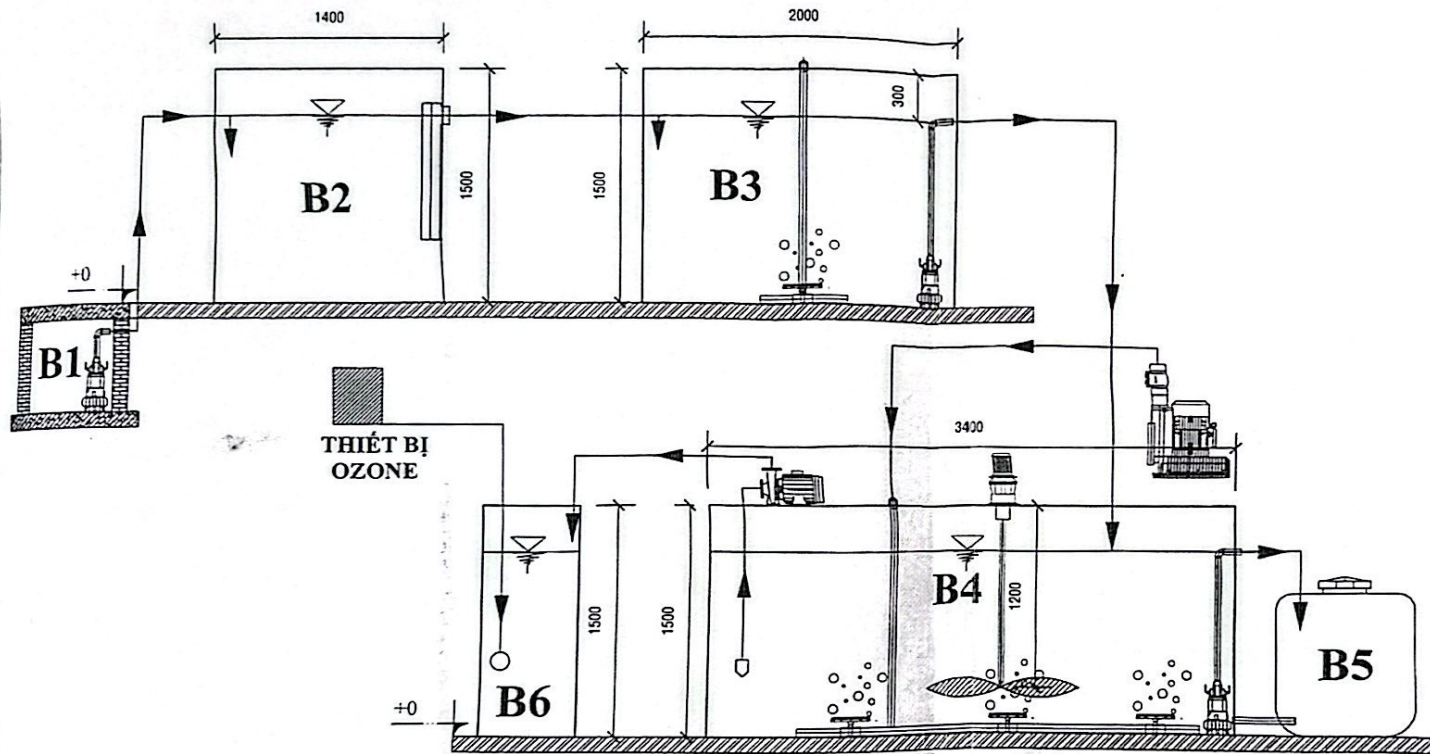
TY LỆ / SCALE

BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO.

NGÀY VẼ / DATE

MÃ DỰ ÁN / PROJECT NO.

MẶT CẮT CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI



CHỦ ĐẦU TƯ

CTY CP BAO BÌ TIỀN GIANG
Địa chỉ: Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP Mỹ Tho, Tiền Giang

CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XLNT
CTY CP BAO BÌ TIỀN GIANG
Địa Chỉ: Khu phố Trung Lương, Phường 10,
TP Mỹ Tho, Tiền Giang

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỨC
Địa chỉ: Số 150, đường Phan Lưu, Phường An Phú,
Quận 2 TP HCM
Điện thoại: 08.6287 2950 Fax: 08.6287 2950
Website: mtrungvietsoc.vn
ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG
MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC: ĐỖ HẢI PHONG VIỆT ĐỨC
DIRECTOR

THIẾT KẾ: TRẦN TÂN TIẾN
DESIGNED

VẼ: TRẦN TÂN TIẾN
DRAWN

KIỂM TRA: HÀ VĂN LỘC
APPROVED

HẠNG MỤC/ITEM

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT, CÔNG SUẤT
15 M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ
MẶT CẮT CÔNG NGHỆ XỬ LÝ
NƯỚC THẢI

TỶ LỆ
SCALE

BẢN VẼ SỐ: 01
DRAWING NO.

NGÀY VẼ
DATE

MÃ DỰ ÁN
PROJECT NO.

CHÚ THÍCH

B1	BỂ THỤ	B6	BÒN ZONE HÓA	OE	THIẾT BỊ OZONE
B2	BỂ TÁCH DẦU	AP	ĐĨA PHÂN PHỐI KHÍ	B7	HỒ GA LẤY MẪU
B3	BỂ ĐIỀU HÒA	P	BƠM	KT	MÔ TƠ-CÁNH KHUẤY
B4	BỂ SBR	AB	MÁY THỐI KHÍ		
B5	BỂ CHỨA BÙN	CP	BƠM ĐỊNH LƯỢNG		

